



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

**NT2**

*Thân thiện - Hiệu quả - An toàn*

**BÁO CÁO 2015**  
**THƯỜNG NIÊN** [www.pvpnt2.vn](http://www.pvpnt2.vn)

# Mục Lục

Thư quản lý đầu năm 04

## **GIỚI THIỆU CHUNG**

Tâm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi 08

Lịch sử hình thành và phát triển 10

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 12

Cơ cấu cổ đông 14

Định hướng phát triển 18

Các rủi ro 20

## **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức 24

Giới thiệu Hội đồng quản trị 26

Giới thiệu Ban kiểm soát 29

Giới thiệu Ban Điều hành 30

Những thay đổi trong ban điều hành 34

Lực lượng lao động và các chính sách 35

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 40

Tình hình tài chính 42

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 43

Kế hoạch điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Báo cáo của Ban Điều hành 48

Báo cáo của Hội đồng quản trị 54

Báo cáo của Ban Kiểm soát 60

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị 64

Ban kiểm soát 66

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 67

## **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Văn hóa doanh nghiệp 70

Quan hệ nhà đầu tư 72

An toàn sức khỏe môi trường 74

An sinh xã hội 76

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo của Ban Giám đốc 80

Báo cáo kiểm toán độc lập 82

Bảng cân đối kế toán 84

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 86

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 87

Thuyết minh báo cáo tài chính 89



**Bước sang năm 2016, chúng tôi vui mừng và tự hào thông báo đến quý cổ đông và nhà đầu tư rằng năm 2015 vừa qua là một năm hoạt động suôn sẻ và thắng lợi toàn diện của NT2, thể hiện qua những kết quả vượt trội.**

Về sản xuất kinh doanh, NT2 đã phát lên lưới điện quốc gia 5,499 tỷ kWh, đạt 128% kế hoạch năm. Vận hành và bảo trì một cách chuyên nghiệp ở trình độ quốc tế, nhà máy điện NT2 đã một lần nữa khẳng định độ tin cậy, ổn định, an toàn và khả dụng rất cao, qua đó đáp ứng tốt nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia.

Về tài chính, mặc dù giá khí giảm sâu, hiện chỉ còn dưới 4 USD/triệu BTU so với trên 6 USD/triệu BTU hồi đầu năm, doanh thu từ sản xuất điện vẫn đạt 6.796 tỷ VNĐ (bằng 114% kế hoạch năm). Lợi nhuận sau thuế của NT2 năm 2015 đạt 1.141,6 tỷ đồng, vượt 82% kế hoạch. NT2 đã xuất sắc vượt qua các bất lợi về tỷ giá để hoàn thành tốt đẹp các chỉ tiêu tài chính. Điều này một lần nữa khẳng định NT2 hoạt động trên một nền tảng tài chính lành mạnh, vững chắc, dòng tiền ổn định, sử dụng nguồn vốn một cách thông minh và hiệu quả, các rủi ro tài chính



được đánh giá và kiểm soát một cách phù hợp, các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, ngân hàng và các đối tác luôn được thực hiện nghiêm túc và đúng hạn. Vì vậy, NT2 dự kiến sẽ nâng tỷ lệ trả cổ tức năm 2015 lên khoảng 26%.

Về đầu tư chứng khoán, 2015 rõ ràng là một năm rất khả quan với các nhà đầu tư NT2. Sau khi chính thức được niêm yết ngày 12/6/2015, NT2 đã nhanh chóng trở thành mã chứng khoán có tính thanh khoản cao, nằm trong nhóm các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất trên sàn HoSE, là cổ phiếu blue-chip yêu thích của khối ngoại và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước. Sau những bỡ ngỡ ban đầu, NT2 đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức, nhân sự liên quan, từng bước nâng cao năng lực về công bố thông tin, quan hệ cổ đông/nhà đầu tư, thực hiện quyền..., nhờ đó NT2 đã có những bước đi ngày một chuyên nghiệp trên sàn chứng khoán và từng bước tạo dựng niềm tin đối với giới đầu tư. Thực vậy, cổ phiếu NT2 đã đem lại cho các nhà đầu tư thu nhập năm (year to year return) lên tới 47%, bao gồm cổ tức bằng tiền mặt, cổ phiếu thưởng và tăng thị giá cổ phiếu.

Kết thúc năm 2015, NT2 được xếp hạng 123 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, tăng 43 bậc so với năm 2014. NT2 cũng vừa được Tổng liên đoàn Lao động

Việt Nam bình chọn và trao giải “Doanh nghiệp vì người lao động”, vinh dự là một trong 10 Doanh nghiệp được nhận Kỷ niệm chương và Bằng khen trong số 49 doanh nghiệp được xếp hạng, qua quá trình bình xét công bằng và khách quan từ hơn 1000 hồ sơ doanh nghiệp tham gia. Ngày 9/1/2016, tập thể Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vinh dự đón nhận cờ thi đua của Bộ Công thương; TS. Hoàng Xuân Quốc – Giám đốc NT2 được vinh danh là 1 trong 10 Doanh nhân, Nhà quản lý Dầu khí xuất sắc năm 2015 do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trao tặng. Ngày 2/2/2016, NT2 là Công ty phát điện duy nhất vinh dự được nhận cúp vàng và bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng.

Thưa quý cổ đông và nhà đầu tư!

Hiện tại, chúng tôi đã hoàn thành xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 để trình tại Đại hội cổ đông thường niên, dự kiến sẽ họp vào cuối tháng 3/2016. Tình hình sản xuất điện 2016 của NT2 được dự báo tiếp tục thuận lợi do nhu cầu phụ tải quốc gia dự kiến sẽ có thể tăng trưởng trên 10%, trong khi điều kiện thủy văn năm nay được dự báo là không thật sự khả quan. Bên cạnh đó, một số dự án nhà máy nhiệt điện trong quy hoạch bị chậm tiến độ hoặc mới đi vào vận hành chưa ổn định có thể ảnh hưởng tới khả năng cung ứng của hệ thống điện, nhất là vào mùa khô. Giá khí nhiên liệu năm nay, được dự báo sẽ tiếp tục ở mức thấp theo giá dầu thế giới, sẽ góp phần cải thiện hơn nữa khả năng cạnh tranh của NT2 trên thị trường điện. Năm 2016 theo kế hoạch NT2 chỉ thực hiện sửa chữa nhỏ (tiểu tu) định kỳ 2 tổ máy tuabin khí dự kiến vào cuối tháng 7/2016. Về tài chính, dư nợ gốc và lãi các khoản vay quốc tế phải trả năm 2016 đã giảm đi 10% so với năm 2015. Năm nay NT2 cũng sẽ tiếp tục nhận được khoản thanh toán tiền điện hồi tố trên 160 tỷ VNĐ như năm ngoái.

Với những căn cứ nêu trên, NT2 xây dựng kế hoạch 2016 với sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đều ở mức cao hơn kế hoạch 2015, có tính đến yếu tố biến động tỷ giá và giá dầu suy giảm.

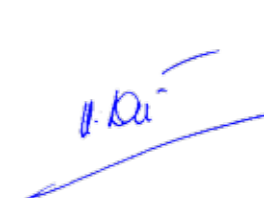
Năm 2016, NT2 sẽ chú trọng đẩy mạnh một bước công tác đầu tư phát triển, với mục tiêu nâng cao năng lực phát điện, cải thiện hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2016-2020. Trên tinh thần đó, NT2 tiếp tục xúc tiến hoàn thiện các thủ tục cần thiết báo cáo cấp

có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng quy mô 750-800 MW lớn tầm cỡ quốc gia. Trong năm nay, NT2 cũng sẽ triển khai lập nghiên cứu khả thi dự án “Sản xuất thương mại CO2 lỏng từ khí thải nhà máy điện Nhơn Trạch 2”. Đây là dự án đầu tiên thuộc loại này được triển khai ở Việt Nam, hứa hẹn đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực, đồng thời giảm phát thải CO2 trực tiếp, làm cho NT2 trở nên thân thiện hơn nữa với môi trường, vốn là tiêu chí khắc khe của các quỹ đầu tư quốc tế khi ra quyết định đầu tư. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang triển khai xem xét khả năng nâng công suất Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiện hữu, sử dụng công nghệ phun sương (fogging injection) hiện đại. Dự án này có tính khả thi cao, cho phép nâng công suất nhà máy thêm khoảng 40 MW với suất đầu tư cho mỗi MW tăng thêm thấp hơn rất nhiều so với đầu tư mới, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, đặc biệt vào mùa khô khi trời nắng nóng, phụ tải hệ thống và giá điện thị trường đều ở mức cao.

Thưa quý cổ đông và nhà đầu tư

Có được những kết quả tốt đẹp trong năm 2015 không thể thiếu sự tin tưởng, đồng hành, ủng hộ của quý cổ đông và nhà đầu tư cũng như quý khách hàng của NT2. Tập thể CBCNV NT2 sẽ phát huy những thành tích đạt được, phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016, vì quyền lợi cao nhất của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

Nhân dịp này, NT2 xin chân thành cảm ơn và trân trọng gửi lời chúc mừng tới toàn thể quý cổ đông và nhà đầu tư, tin tưởng quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ, đồng hành cùng NT2 trong chặng đường phát triển tiếp theo. Trân trọng./.



**Ông Ngọc Hải**  
Chủ tịch HĐQT



**Hoàng Xuân Quốc**  
Giám đốc

# GIỚI THIỆU CHUNG

# 1

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Cơ cấu cổ đông

Định hướng phát triển

Các rủi ro





## 1 Tâm nhìn

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 trở thành Công ty phát điện độc lập hàng đầu trong thị trường điện ở Việt Nam, đạt được những bước đi vững chắc và đã từng bước khẳng định được vị thế quan trọng của công ty trong hệ thống điện Việt Nam.

## 2 Sứ mệnh

Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm, đoàn kết nhất trí; vận hành khai thác tốt đảm bảo cung cấp điện năng thương mại ổn định và tin cậy theo tiêu chí “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường điện Việt Nam; đồng thời tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.

## 3 Giá trị cốt lõi

### THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Tên tiếng Anh:

**PETROVIETNAM POWER NHONTRACH 2 JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **PVPower NT2**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2007
- Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/10/2015

Vốn điều lệ: **2.739.198.430.000 đồng**

Niên yết:

- Mã cổ phiếu: **NT2**
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: **273.919.843** cổ phiếu
- Sàn giao dịch: HoSE
- Ngày niêm yết: 12/6/2015

**Trụ sở chính:**

Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (061)2 225 899

Fax: (061)2 225 897

Email: info@pvnt2.com.vn

Website : www.pvpnt2.vn

**Trở thành biểu tượng thân thiện, hiệu quả và an toàn**

**Thân thiện:**

Công nghệ thân thiện với môi trường; thân thiện trong hợp tác với các đối tác cũng như với các đồng nghiệp; tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể CBCNV và địa chỉ đầu tư tin cậy cho các cổ đông.

**Hiệu quả:**

Tập trung vào hoạt động cốt lõi, đảm bảo sản xuất kinh doanh tốt, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đem lại hiệu quả thiết thực và bền vững cho công ty và cổ đông.

**An toàn:**

Đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, hạn chế tối đa sự cố mất an toàn về máy móc thiết bị và con người, nhân sự được trang bị đầy đủ kiến thức an toàn sức khỏe môi trường.

**Khởi đầu**

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) được thành lập vào ngày 15/06/2007 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐH của Đại hội đồng cổ đông NT2 với số vốn điều lệ là 2.560.000.000.000 đồng.

**Thời điểm niêm yết**

Ngày 12/6/2015, NT2 chính thức chuyển niêm yết từ sàn UPCoM sang sàn HoSE. Đến hết năm 2015 vốn điều lệ là 2.739.198.430.000 đồng.

**Ngày 15/06/2007:** Thành lập Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 để làm Chủ đầu tư và vận hành khai thác Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW.

**Ngày 24/04/2008:** Ký kết Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Công ty Poyry Energy (Thụy Sĩ);

**Ngày 04/09/2008:** Tổ chức lễ Phát động thi đua san lấp mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

**Ngày 29/04/2009:** Ký kết Hợp đồng EPC với Liên danh tổng thầu EPC: LILAMA và PVC về việc thiết kế, mua sắm, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

**Ngày 27/06/2009:** Nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bấm nút phát động khởi công xây dựng Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

**Ngày 18/09/2009:** Ký kết Hợp đồng Bảo hiểm xây dựng lắp đặt Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;

**Ngày 28/11/2009:** Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ Bảo trì sửa chữa dài hạn thiết bị chính (LTMA) Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nhà thầu cung cấp thiết bị chính SIEMENS AG;

**Ngày 23/12/2009:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước có công văn số

Đến hết năm 2015, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) với đội ngũ nhân lực tinh gọn; đội ngũ quản lý giỏi, có kinh nghiệm; kỹ sư, công nhân viên trẻ, đầy nhiệt huyết, trình độ chuyên môn cao, tác phong chuyên nghiệp đảm bảo nhiệm vụ vận hành khai thác Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn và hiệu quả. Với sản lượng điện cung cấp lên lưới điện quốc gia lên tới trên 5 tỷ kWh/năm, NT2 đã góp phần đảm bảo an ninh năng lượng đất nước, khẳng định vị thế trong hệ thống điện Quốc gia, đặc biệt là khu vực Đông Nam Bộ. NT2 luôn cố gắng phát huy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn và bán lẻ điện năng phù hợp với lộ trình phát triển thị trường điện của Chính phủ.

2959/UBCK-QLPH chấp thuận cho Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 trở thành Công ty đại chúng;

**Ngày 29/12/2009:** Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 126/2009/GCNCP-VSD chấp thuận cho Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại VSD với mã chứng khoán: NT2;

**Ngày 30/12/2009:** Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) có Thông báo số 818/TB-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại HNX với mã chứng khoán NT2;

**Ngày 22/01/2010:** Cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM;

**Ngày 06/4/2010:** Ký kết Hợp đồng Mua bán khí dài hạn cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với Tổng Công ty khí Việt Nam - PV Gas;

**Ngày 22/7/2010:** Ký kết Hợp đồng tín dụng xuất khẩu dài hạn trị giá 470 triệu USD tài trợ cho dự án NMD NT2 (ECA) do CitiBank làm đầu mối.

**Ngày 15/10/2010:** Tổ chức lễ Phát động thi đua hoàn thành thi công lắp đặt để phát điện tổ máy số 1;

**Ngày 31/12/2010:** Lần đầu phát điện lên lưới quốc gia và cắm biển "Công trình thanh niên" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

**Năm 2011:** Đạt 02 giải thưởng quốc tế về thu xếp vốn " Best ECA Backed Facilities" và " Best Emerging Market Solution"

**Ngày 31/3/2011:** Ký kết Hợp đồng Tín dụng dài hạn trị giá 600 tỷ đồng trong hạn mức 800 tỷ đồng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

**Ngày 16/10/2011:** Phát điện chu trình hỗn hợp, vận hành thương mại toàn bộ nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tổng tiến độ 45 ngày;

**Ngày 12/11/2011:** Tổ chức lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba;



**Ngày 12/06/2015:** Trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu NT2 trên HoSE;

**Ngày 11/10/2015:** Đạt mốc sản lượng điện 20 tỷ kWh;

**Ngày 15/10/2015:** Đăng ký thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 8, tăng vốn điều lệ lên 2.739.198.430.000;

**Ngày 20/10/2015:** Sản lượng điện thương mại đạt 4,295 tỷ kWh, vượt trước 72 ngày;

**Ngày 27/12/2015:** NT2 nhận giải thưởng Doanh nghiệp vì người lao

động năm 2015 do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng;

**Năm 2015:** Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đứng thứ hạng 123 (tăng 43 hạng) trong Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; NT2 nhận cờ thi đua của Bộ Công thương; TS. Hoàng Xuân Quốc - Giám đốc NT2 vinh dự là 1 trong 10 Doanh nhân, Nhà quản lý Dầu khí xuất sắc năm 2015. NT2 cũng là Công ty phát điện duy nhất vinh dự được nhận cúp vàng và bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng.

**Ngày 28/5/2014:** Ký Hợp đồng Mua bán điện giá chính thức với Công ty Mua bán điện (EPTC);

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đứng thứ hạng 166 trong Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đứng thứ hạng số 2 trong số các công ty cổ phần thuộc ngành sản xuất, kinh doanh, phân phối điện niêm yết trên sàn chứng khoán;

**Ngày 05/11/2014:** NT2 đạt mốc sản lượng 15 tỷ kWh;

**Ngày 04/12/2014:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu NT2 từ sàn giao dịch chứng khoán UPCoM sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE);

**Ngày 31/12/2014:** Sản lượng điện thực hiện là 4,76 tỷ kWh, đạt 119% kế hoạch năm 2014.

**Ngày 28/1/2013:** NT2 được vinh dự cắm biển 1 trong 10 công trình Thanh niên tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2007-2012;

**Ngày 25/9/2013:** Đạt mốc sản lượng 10 tỷ kWh.

**Ngày 31/12/2013:** Sản lượng điện thực hiện là 4,67 tỷ kWh, đạt 112% kế hoạch năm 2013.

**Ngày 02/05/2012:** Ký Hợp đồng Mua bán điện (PPA) giá tạm tính với Công ty mua bán điện (EPTC);

**Tháng 10/2012:** Đạt "Giải vàng Châu Á cho Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất" do Hội điện lực Châu Á trao tặng;

**Ngày 16/10/2012:** Cán mốc sản lượng điện 05 tỷ kWh sau 01 năm vận hành thương mại;

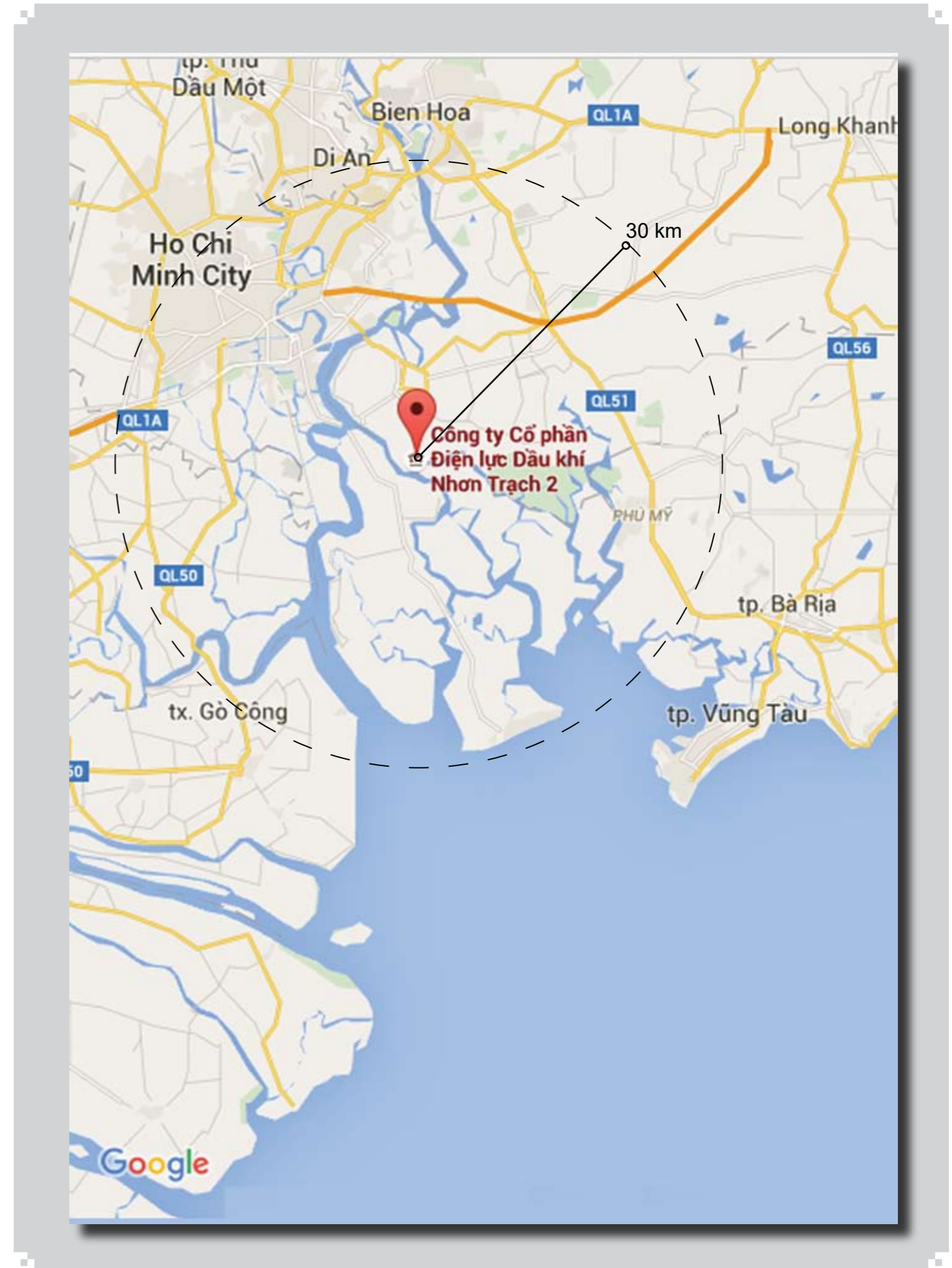
**Năm 2012:** Đạt sản lượng điện 4,65 tỷ kWh, vượt 109% kế hoạch năm.

### Ngành nghề kinh doanh

- » Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện
- » Sản xuất và kinh doanh điện năng
- » Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện
- » Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện
- » Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

### Địa bàn kinh doanh

Trụ sở Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) được xây dựng tại Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. NT2 là chủ đầu tư và quản lý khai thác Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 công suất 750 MW với sản lượng điện trung bình khoảng 05 tỷ kWh/ năm, tương đương doanh thu bán điện khoảng 7.000 tỷ VNĐ/năm. NT2 phát điện qua trạm phân phối 220 KV lên lưới điện Quốc gia, đáp ứng nhu cầu điện ngày càng gia tăng của đất nước, đặc biệt khu vực Đông Nam Bộ.



### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

|   |                          |
|---|--------------------------|
| Vốn điều lệ Công ty   | : 2.739.198.430.000 đồng |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành                                  | : 273.919.843 cổ phiếu   |
| Loại cổ phần đang lưu hành                                      | : Cổ phần phổ thông      |
| Mệnh giá  | : 10.000 đồng/ cổ phiếu  |
| Tại thời điểm 31/12/2015, cổ phiếu NT2 đạt 26.700 đồng/cổ phiếu |                          |

Biểu đồ thể hiện biến động giá cổ phiếu NT2 trong năm 2015.



### THÔNG TIN VỀ CỔ TỨC

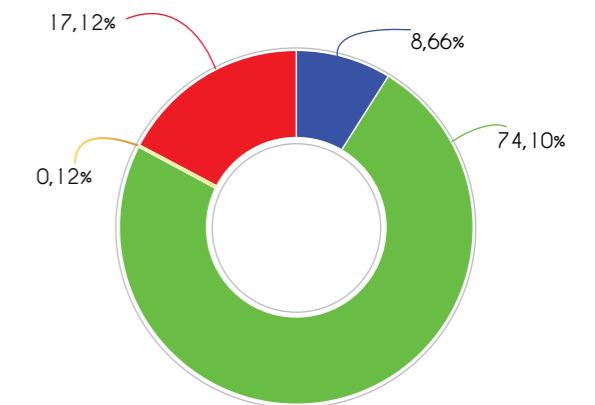
| Stt | Chỉ tiêu                      | Tỷ lệ thực hiện | Hình thức chi trả | Ngày thanh toán |
|-----|-------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| 1   | Tạm ứng cổ tức năm 2014 đợt 1 | 5% mệnh giá     | Tiền mặt          | Ngày 12/01/2015 |
| 2   | Chi trả cổ tức năm 2014 đợt 2 | 13% mệnh giá    | Tiền mặt          | Ngày 9/6/2015   |
| 3   | Cổ phiếu thưởng năm 2014      | 7% mệnh giá     | Cổ phiếu thưởng   | Ngày 11/9/2015  |
| 4   | Tạm ứng cổ tức năm 2015 đợt 1 | 9% mệnh giá     | Tiền mặt          | Ngày 14/10/2015 |

### THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG

| Stt              | Loại cổ đông        | Số lượng cổ đông | Số cổ phần         | Giá trị (đồng)           | Tỷ trọng (%)  |
|------------------|---------------------|------------------|--------------------|--------------------------|---------------|
| <b>I</b>         | <b>Trong nước</b>   | <b>2.488</b>     | <b>226.697.243</b> | <b>2.266.972.430.000</b> | <b>82,76%</b> |
| 1                | Tổ chức             | 30               | 202.985.811        | 2.029.858.110.000        | 74,10%        |
| 2                | Cá nhân             | 2.458            | 23.711.432         | 237.114.320.000          | 8,66%         |
| <b>II</b>        | <b>Nước ngoài</b>   | <b>84</b>        | <b>47.222.600</b>  | <b>472.226.000.000</b>   | <b>17,24%</b> |
| 1                | Tổ chức             | 43               | 46.905.437         | 469.054.370.000          | 17,12%        |
| 2                | Cá nhân             | 41               | 317.163            | 3.171.630.000            | 0,12%         |
| <b>III</b>       | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | <b>-</b>         | <b>-</b>           | <b>-</b>                 | <b>-</b>      |
| <b>Tổng cộng</b> |                     | <b>2.572</b>     | <b>273.919.843</b> | <b>2.739.198.430.000</b> | <b>100%</b>   |

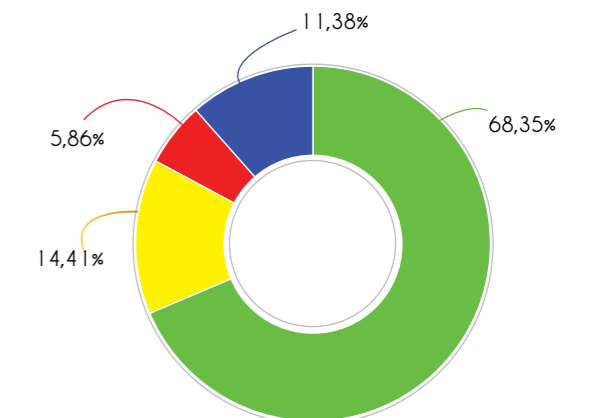
### CƠ CẤU VỐN THEO LOẠI HÌNH

- █ Cá nhân trong nước
- █ Tổ chức trong nước
- █ Cá nhân nước ngoài
- █ Tổ chức nước ngoài



### TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN CỔ PHẦN

- █ Cổ đông nước ngoài sở hữu dưới 5%
- █ Cổ đông trong nước sở hữu trên 5% (PVPower & CFTD)
- █ Cổ đông trong nước sở hữu dưới 5%
- █ Cổ đông nước ngoài sở hữu trên 5%



| Stt | Danh mục  | Cổ đông trong nước |               | Cổ đông nước ngoài |               | Tổng số cổ phiếu   | Tỉ lệ/VĐL      |
|-----|---|--------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|----------------|
|     |   | Số cổ phiếu        | Tỉ lệ/VĐL     | Số cổ phiếu        | Tỉ lệ/VĐL     |                    |                |
|     | <b>Tổng số vốn thực góp</b>                         | <b>226.697.243</b> | <b>82,76%</b> | <b>47.222.600</b>  | <b>17,24%</b> | <b>273.919.843</b> | <b>100,00%</b> |
| 1   | Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 187.232.880        | 68,35%        | 16.061.280         | 5,86%         | 203.294.160        | 74,22%         |
| 2   | Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 39.464.363         | 14,41%        | 31.161.320         | 11,38%        | 70.625.683         | 25,78%         |



### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 5% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN

| Stt | Tên cổ đông   | Số lượng cổ phiếu  | Tỷ lệ         |
|-----|---|--------------------|---------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | 164.352.000        | 60%           |
| 2   | Công ty TNHH Phát triển Công nghệ (CFTD)                  | 22.880.880         | 8,35%         |
| 3   | Market Vectors ETF Trust-Market Vectors-Vietnam ETF       | 16.061.280         | 5,86%         |
|     | <b>Tổng cộng</b>  | <b>203.294.160</b> | <b>74,22%</b> |

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2015, Công ty thực hiện 01 lần tăng vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Từ vốn điều lệ ban đầu: 2.560.000.000.000 (đồng) sau khi phát hành cổ phiếu thưởng (7%) vốn điều lệ tăng lên: 2.739.198.430.000 (đồng).

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

» Không

### CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

» Không





## MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC

Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước;

Phấn đấu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;

Kiên toàn, nâng cao công tác quản trị tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao hình ảnh NT2 trên thị trường điện và thị trường chứng khoán;

Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực theo hướng tập trung, chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành;

Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao;

Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh; phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả;

Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp. Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

## PHÂN TÍCH SWOT

### Điểm mạnh

Bộ máy quản trị doanh nghiệp giỏi, đồng thuận, nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo bài bản ở trong nước và nước ngoài, có kinh nghiệm quản lý, vận hành nhà máy điện tua bin khí.

Nhà máy điện Nhon Trạch 2 với công suất 750 MW, sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp thế hệ F, được nhập khẩu từ Cộng hòa Liên bang Đức do hãng Siemens chế tạo, nhà máy có cấu hình 2-2-1 (2 tuabin khí công suất mỗi tổ 250MW, 2 lò thu hồi nhiệt và 1 tuabin hơi công suất 250MW). Hỗn hợp nhiên liệu (khí thiên nhiên hoặc dầu DO) được hòa trộn với không khí sạch theo một tỷ lệ tối ưu và được đốt cháy hoàn toàn trong buồng đốt của tuabin khí để tạo ra một lượng lớn không khí nóng giãn nở qua các tầng cánh của tuabin khí và làm quay tuabin khí cùng với máy phát điện. Lượng nhiệt thải từ tuabin khí sẽ được lò thu hồi nhiệt giữ lại và sinh hơi để cung cấp cho tuabin hơi để làm quay máy phát điện. Chu trình sản xuất điện hỗn hợp này là một trong những công nghệ sản xuất điện hiệu quả nhất nhờ tận dụng được nguồn nhiệt từ tuabin khí.

Với công nghệ sản xuất điện hiện đại, tiên tiến và được thiết kế phù hợp với thị trường điện, Nhà máy điện Nhon Trạch 2 có khả năng thay đổi phụ tải trong dải công suất rất rộng lên đến vài trăm MW một cách nhanh chóng, đây là tính năng không phải nhà máy điện nào cũng có được. Khả năng nói trên của Nhà máy đặc biệt quan trọng khi tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh do góp phần ổn định hệ thống điện Quốc gia.

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2 là đơn vị phát điện độc lập, nhà máy có hiệu suất nhiệt cao nhất trong số các nhà máy nhiệt điện của Việt Nam hiện nay.

Vị trí nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Dầu khí nằm ở khu công nghiệp Ông Kèo (huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai), gần trung tâm phụ tải miền Nam, là tam giác kinh tế trọng điểm phía Nam, hệ thống truyền tải điện thuận lợi, gần sông tiện lợi cho vận tải thiết bị, công tác lấy và thải nước làm mát.

Sự phát triển của ngành dựa trên lộ trình về sự phát triển ngành điện của Chính phủ nhằm mở rộng thị trường điện lực cũng là sự thuận lợi của NT2.

### Điểm yếu

Để đầu tư xây dựng Nhà máy, Công ty phải huy động thêm vốn bằng hình thức vay từ các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính với cơ cấu vốn 70-30, tổng dư nợ vay dài hạn tại thời điểm cuối năm 2011 khi nhà máy đi vào hoạt động là 9.282 tỷ đồng. Dư nợ vay ngoại tệ tại thời điểm đó là 202,58 triệu EUR và 215,38 triệu USD, do đó sự tăng/giảm của đồng ngoại tệ cũng sẽ tác động giảm/tăng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, thời gian thanh toán các khoản vay ngoại tệ đến 10 năm, tính đến năm 2016, Công ty đã thanh toán được một nửa khoản vay quốc tế nên dư nợ gốc và lãi vay không còn là áp lực của Công ty.

Đến hết năm 2015, dư nợ các khoản vay quốc tế của NT2 còn lại là 123.622.299,57 USD và 112.944.730,03 EUR.

### Cơ hội

Ngay từ khi mới thành lập, NT2 luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ của Chính Phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power), các đơn vị thành viên trong PV Power cũng như các đơn vị khác thuộc PVN, và các Cơ quan, Ban ngành khác....

Việt Nam đã gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập cùng thế giới, thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, nhu cầu điện rất lớn, đòi hỏi cơ sở hạ tầng điện năng cũng phải đi trước một bước, tạo cơ hội cho NT2.

Năm 2016, thí điểm thị trường điện bán buôn cạnh tranh, NT2 có cơ hội bán điện trực tiếp cho các hộ dân và các khu công nghiệp lân cận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

Nhu cầu điện năng tăng nhanh hàng năm, một số dự án đầu tư nguồn điện bị chậm tiến độ hoặc vận hành thiếu ổn định, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 nhìn chung đều có giá bán điện cao hơn. Các yếu tố này cho thấy tính cạnh tranh của NT2 vẫn đảm bảo trong dài hạn.

Việc xem xét phê duyệt điều chỉnh sơ đồ điện VII quốc gia là cơ hội cho NT2 đầu tư, phát triển xây dựng Nhà máy điện Nhon Trạch 2 mở rộng trên quỹ đất sẵn có, tiết kiệm nhân lực, chi phí, mang lại hiệu quả lâu dài cho cổ đông.

### Nguy cơ

Những bất ổn tiềm ẩn của nền kinh tế trong nước nói chung và của ngành Dầu khí nói riêng trong giai đoạn khó khăn kinh tế toàn cầu. Sức ép cạnh tranh từ các công ty, đơn vị sản xuất điện khác trên thị trường, đặc biệt nếu kinh tế suy giảm.

Giá nguyên, nhiên liệu đầu vào có khả năng tăng lên như: Giá khí ... nên ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

## CÁC MỤC TIÊU, TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.

Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.

Đầu tư vào những công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.

## RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2015, nền kinh tế toàn cầu đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực so với giai đoạn khủng hoảng trước đó. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiểm chế lạm phát, ổn định tỷ giá đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung NT2 nói riêng.

**Tăng trưởng GDP:** Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,25% năm 2012; 5,42% năm 2013; 5,98% năm 2014 và tăng 6,68% năm 2015 (cao nhất trong vòng 5 năm qua). Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng thế giới (WB), năm 2016 nếu Việt Nam vẫn tiếp tục ổn định được kinh tế vĩ mô thì tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 6,8-7% (sát với mục tiêu kế hoạch của Chính phủ). Điều này sẽ ảnh hưởng một cách tích cực đến hoạt động kinh doanh của NT2.

**Lạm phát:** Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,10% năm 2014. Năm 2015 mức lạm phát chỉ có 0,6%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.

**Lãi suất:** Năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 - 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện nay đã giảm mạnh xuống ở mức 6 - 9%/năm (ngắn hạn) và 9 - 11%/năm (dài hạn). Lãi suất các khoản vay quốc tế những năm qua luôn ở mức thấp. Dự báo 2016 và những năm tới lãi suất vay USD có thể tăng lên, tuy nhiên lãi suất EUR lại giảm do chương trình kích thích kinh tế của khối EU. Với hai khoản vay USD và EUR cân đối, rủi ro lãi suất ngoại tệ của NT2 được giảm thiểu.

## RỦI RO XUẤT PHÁT TỪ ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH

### Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Đối với các công ty nhiệt điện, thì giá nguyên liệu đầu vào từ than, khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp điện năng, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với công suất lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm trên 60% giá thành sản xuất điện. NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết Hợp đồng Mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức theo Hợp đồng Mua bán điện đã ký kết, phương pháp tính giá điện cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí đầu vào và các chi phí khác vào giá bán bao gồm giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Do hợp đồng bán điện mới được ký từ tháng 5/2014 nên giá mới đã được áp dụng từ Quý II/2014. Trong giai đoạn 2011-2013, giá điện là tạm tính, thấp hơn giá chính thức được ký trong hợp đồng, do vậy, NT2 được thu hồi phần doanh thu chưa được trả trong giai đoạn 2011-2013 trị giá hơn 800 tỷ đồng, và được phân bổ trong 4 năm kể từ Quý IV/2014.

### Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khi tỷ giá hối đoái giảm Công ty sẽ ghi nhận khoản lãi từ việc đánh giá lại phần chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện vào cuối kỳ kế toán và ngược lại khi tỷ giá tăng thì Công ty sẽ ghi nhận khoản lỗ tương ứng. Hiện nay, do khoản vay ngoại tệ của Công ty phần

lớn là EUR nên đang được hưởng lợi từ biến động tỷ giá EUR theo chiều hướng giảm, nhưng khi tỷ giá biến động theo chiều hướng bất lợi thì doanh nghiệp sẽ phải chịu rủi ro.

Hiện tại, NT2 cũng như các công ty phát điện khác (kể cả EVN) chưa được phép đưa rủi ro biến động tỷ giá vào trong giá bán điện nhưng Bộ Công Thương đang xem xét đưa rủi ro biến động tỷ giá vào trong giá bán, trong khi EVN đã đưa yếu tố này vào giá bán lẻ. Giá khí và giá điện đều được tính theo USD, do vậy, NT2 có thể đưa vào giá bán một phần rủi ro biến động tỷ giá và thậm chí có thể được hưởng lợi từ việc đồng USD tăng giá vì chi phí đầu vào chỉ chiếm 60% của doanh thu.

### Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển của ngành trong thời gian gần đây, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công Thương, trong đó có quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu có rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao. Tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 đều có giá bán điện cao hơn, mặt khác không phải nhà máy điện nào cũng có tính năng vận hành linh hoạt vượt trội và vị trí “vàng” trong hệ thống điện như NT2, do đó tính cạnh tranh của NT2 vẫn được đảm bảo trong dài hạn.

### Rủi ro về chính sách, luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu NT2 niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển; và chuẩn mực hóa quản trị Công ty, tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro mà các nhà đầu tư cần lường trước, tương tự như đối với các mã chứng khoán khác.

### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 2

Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Giới thiệu Ban kiểm soát

Giới thiệu Ban Điều hành

Những thay đổi trong ban điều hành

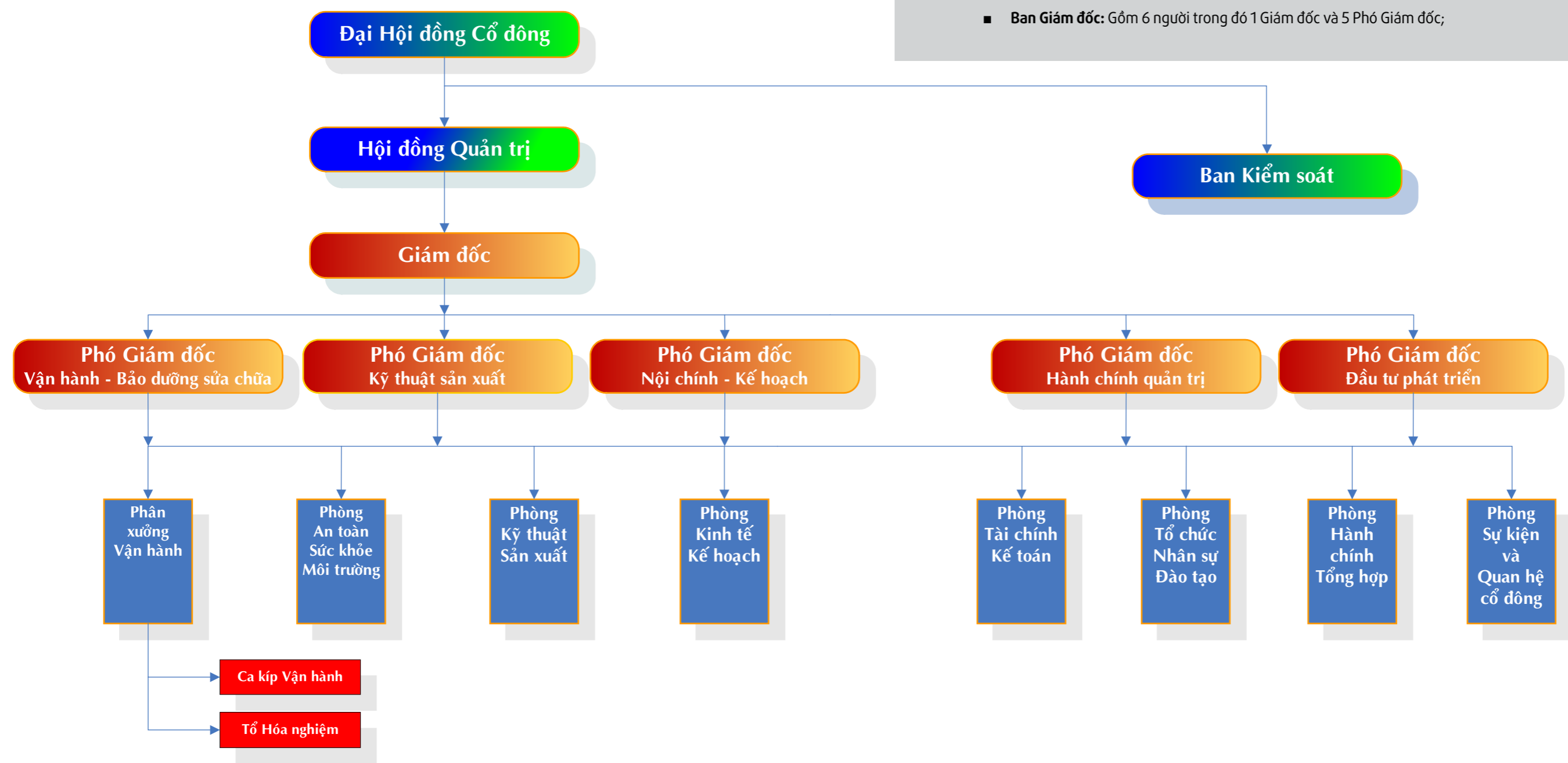
Lực lượng lao động và các chính sách



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- **Đại hội đồng cổ đông:** Có thẩm quyền cao nhất Công ty.
- **Hội đồng Quản trị:** Gồm 5 thành viên, trong đó 1 thành viên chuyên trách và 4 thành viên kiêm nhiệm.
- **Ban Kiểm soát:** Gồm 3 thành viên trong đó 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.
- **Ban Giám đốc:** Gồm 6 người trong đó 1 Giám đốc và 5 Phó Giám đốc;



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có.

**Ông UÔNG NGỌC HẢI**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư cầu đường, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Sở hữu cổ phần:** 65.740.800 cổ phần, chiếm 24% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 65.740.800 cổ phần, chiếm 24% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;

**Quá trình công tác:**

11/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

8/2011 - 11/2015: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;

8/2008 - 7/2011: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

11/2007 - 8/2008: Chuyên viên, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương;

6/1996 - 10/2007: Kỹ sư cơ nhiệt, Phó Trưởng Phòng thiết kế nhiệt điện, Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ, Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);

5/1993 - 6/1996: Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty chế biến lương thực Colusa, Tổng Công ty lương thực TP. Hồ Chí Minh.



**Ông HOÀNG XUÂN QUỐC**  
Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc

(Vui lòng xem phần giới thiệu Ban Điều hành)



**Ông LƯƠNG NGỌC ANH**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư Hóa

**Sở hữu cổ phần:** 22.880.880 cổ phần, chiếm 8,35% vốn điều lệ

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ: 22.880.880 cổ phần, chiếm 8,35% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

6/2007: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (kiêm nhiệm);

1994 đến nay: Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ;

1982 - 1994: Cán bộ viện nghiên cứu khoa học tự nhiên.



Bà **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Kế toán, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

**Sở hữu cổ phần:** 27.392.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 27.392.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

6/2014: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (kiêm nhiệm);  
 Từ tháng 9/2009 đến nay: Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;  
 Từ tháng 9/2008 đến 8/2009: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán & Kiểm toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;  
 Từ tháng 4/2008 đến 8/2008: Kế toán trưởng - Ban Quản lý Dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam;  
 Từ tháng 12/2007 đến 3/2008: Chuyên viên Ban Quản lý vốn - Công ty cổ phần Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí;  
 Từ tháng 8/2007 đến 11/2007: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí;  
 Từ tháng 01/1996 đến 07/2007: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí.



Ông **PHẠM CƯỜNG**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư Động cơ, Cử nhân Kinh tế

**Sở hữu cổ phần:** 27.397.350 cổ phần, chiếm 10,0020% vốn điều lệ

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 27.392.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 5.350 cổ phần, chiếm 0,0020% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

11/2015: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (kiêm nhiệm);  
 02/2011 đến nay: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam;  
 11/2010 - 01/2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam;  
 4/2008 - 10/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
 9/2007 - 3/2008: Quyền trưởng Phòng bảo trì thiết bị Công ty Dầu khí Đại Hùng - Tổng Công ty Thăm dò khai thác;  
 9/1999 - 8/2007: Giàn phó bảo trì thiết bị năng lượng Giàn Đại Hùng 01, Công ty Dầu khí Đại Hùng;  
 11/1986 - 8/1999: Kỹ sư trưởng Liên doanh Vietsovpetro;  
 1985 - 1986: Cán bộ, kỹ sư học tiếng Nga Trường đào tạo cán bộ cho Tổng cục Dầu khí.



Bà **NGUYỄN THỊ HÀ**  
Trưởng Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Ngoại thương, Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

**Sở hữu cổ phần:** 4.280 cổ phần, chiếm 0.0016% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 4.280 cổ phần, chiếm 0.0016% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

12/2009 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
 9/2007 - 11/2009: Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2;  
 12/2006 - 08/2007: Phó phòng Hành chính - Tổ chức - Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch;  
 9/2002 - 11/2006: Chuyên viên Lao động tiền lương - Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TPHCM;  
 01/2002 - 08/2002: Nhân viên XNK Công ty TNHH Ô tô Phương Khanh;  
 3/2001 - 12/2001: Nhân viên XNK Công ty TNHH Golden Friends.



Ông **NGUYỄN VĂN KỶ**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kế toán

**Sở hữu cổ phần:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

Tháng 4/2014: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
 2003 đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Phát triển công nghệ;  
 • 2006 - 2013: Kế toán trưởng Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.



Ông **TRẦN QUỐC HÙNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

**Sở hữu cổ phần:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

04/2015: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (kiêm nhiệm);  
 01/2011 đến nay: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
 02/2010 - 12/2010: Chuyên viên Kế toán quản trị, Kế toán Tổng hợp, Kế toán hồ sơ thanh toán điện, khí - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
 03/2004 - 01/2010: Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn (Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm - Bảo Việt);  
 10/2003 - 02/2004: Phó Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn (Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm - Bảo Việt);  
 10/1997 - 09/2003: Chuyên viên Kế toán chuyên quản đơn vị phụ thuộc Công ty Bảo hiểm Nhân Thọ Bảo Việt (Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam)



**Ông HOÀNG XUÂN QUỐC**  
GIÁM ĐỐC

**Trình độ chuyên môn:**

Tiến sĩ Năng lượng, Cử nhân Kinh tế.

**Sở hữu cổ phần:** 43.878.600 cổ phần, chiếm 16,0188% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam: 43.827.200 cổ phần, chiếm 16% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 51.400 cổ phần, chiếm 0,0188% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

7/2007 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

2006 - 2007: Phó Trưởng Ban Khí - Điện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

2004 - 2006: Phó Trưởng Ban Chuẩn bị đầu tư công trình Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn;

2001 - 2004: Phó Trưởng Ban Quản lý dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau, trực tiếp phụ trách dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Cà Mau;

1995 - 2001: Cán bộ thuộc Bộ máy điều hành - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam);

1982 - 1995: Giảng viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

- 1992 - 1995: Giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học tại Pháp;
- 1987 - 1991: Nghiên cứu sinh tại CH Pháp, bảo vệ luận án Thạc sĩ (1988) và Tiến sĩ (1991);



**Ông TRẦN QUANG THIÊN**  
Phó Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Thạc sĩ kỹ nghệ công nghệ

**Sở hữu cổ phần:** 10.700 cổ phần, chiếm 0.0039% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần, chiếm 0.0039% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

12/2010 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

7/2009 - 11/2010: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;

8/2007 - 6/2009: Quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;

2004 - 7/2007: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;

2002 - 2003: Tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á;

1998 - 2002: Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;

1996 - 1998: Chuyên viên Ban Quản lý các dự án Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa.



**Ông NGÔ ĐỨC NHẬN**  
Phó Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế

**Sở hữu cổ phần:** 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ

- » Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

2010 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

2007 - 2010: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

2006 - 2007: Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo;

2004 - 2006: Phó phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau;

2001 - 2004: Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí điện đạm Cà Mau;

2000 - 2001: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau;

1996 - 2000: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

1993 - 1996: Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng Bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp;

1991 - 1993: Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp.





Ông **TRẦN QUANG MÃN**  
Phó Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**  
Kỹ sư Điện

**Sở hữu cổ phần:** 12.840 cổ phần, chiếm 0,0047% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 12.840 cổ phần, chiếm 0,0047% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

2011 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
2007 - 2011: Trưởng Phòng Dự án Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
2002 - 2007: Phó Ban Tư vấn Nhiệt Điện 3 - PECC 2;  
1999 - 2002: Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ - PECC 2;  
1998 - 1999: Tổ Trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện - PECC 2;  
1993 - 1998: Kỹ sư điện Phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế điện 2 (Nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC 2).



Ông **NGUYỄN NGỌC HẢI**  
Phó Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**  
Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Sở hữu cổ phần:** 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện phần vốn: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

11/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.  
11/2011 - 11/2013: Trưởng Phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
3/2010 - 11/2011: Trưởng Phòng Xây dựng - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
2007 - 3/2010: Phó Phòng Xây dựng - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
2005 - 2007: Chuyên viên Phòng Dự án - Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau;  
2002 - 2004: Kỹ sư, chuyên viên Công ty Kinh doanh Công trình giao thông 565;  
2000 - 2002: Chuyên viên Chi nhánh Tổng Công ty Công trình giao thông 5.



Ông **TRỊNH VIỆT THẮNG**  
Phó Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**  
Cử nhân Tài chính - Tín dụng, Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế.

**Sở hữu cổ phần:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

11/2015 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
9/2009 - 11/2015: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
8/2008 - 9/2009: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
8/2007 - 8/2008: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
5/2007 - 8/2007: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;  
6/2006 - 5/2007: Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính Ban Quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch;  
4/2006: Phó Ban Quản lý Dự án Trung tâm thể thao thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu;  
2004 - 4/2006: Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu;  
2001 - 2003: Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu;  
12/1998 - 6/2001: Chuyên viên Công ty Thương mại Dầu khí;  
02/1998 - 12/1998: Chuyên viên Thanh tra Bộ Tài chính.



Ông **NGUYỄN HỮU MINH**  
Kế Toán trưởng

**Trình độ chuyên môn:**  
Cử nhân Kinh tế

**Sở hữu cổ phần:** 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ.

- » Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
- » Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ.

**Quá trình công tác:**

7/2010 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;  
4/2009 - 6/2010: Kế toán trưởng - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2;  
1/2008 - 4/2009: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2;  
12/2007 - 1/2008: Phó Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch;  
10/2007 - 11/2007: Nhân viên Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch;  
5/2001 - 10/2007: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1;  
1/2001 - 04/2001: Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1;  
10/1999 - 1/2001: Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xây dựng kỹ thuật hạ tầng - Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng;  
02/1998 - 10/1999: Kế toán Ban Điều hành dự án Kiến thiết cơ bản mở Nhà máy xi măng Nghi Sơn;  
6/1994 - 9/1997: Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh Hóa;  
9/1993 - 5/1994: Nhân viên kế toán Công ty Chế biến Nông sản Xuất khẩu Thanh Hóa.

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2015, NT2 có sự thay đổi về nhân sự cấp cao. Một số thay đổi vị trí quan trọng như sau:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại phiên họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 06/11/2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết về nhân sự như sau:

- Ông Lê Tự Hiếu miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị - Chủ tịch Hội đồng quản trị. (nghỉ hưu theo chế độ chính sách)
- Ông Ưông Ngọc Hải được bầu bổ sung Ủy viên Hội đồng quản trị.
- Ông Nguyễn Minh Tuấn thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị.
- Ông Phạm Cương được bầu bổ sung Ủy viên Hội đồng quản trị.

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ 3 của Công ty vào ngày 06/11/2015, Hội đồng quản trị đã bầu chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty như sau:

- Ông Ưông Ngọc Hải được HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### BAN KIỂM SOÁT

Tại phiên họp thường niên ngày 22/04/2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các quyết định về nhân sự như sau:

- Bà Dương Thị Thu Hà được miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát.
- Ông Trần Quốc Hùng được bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát.

### BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thông qua quyết định về nhân sự Ban điều hành như sau:

- Ông Trịnh Việt Thắng được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc Đầu tư và phát triển từ ngày 23/11/2015.



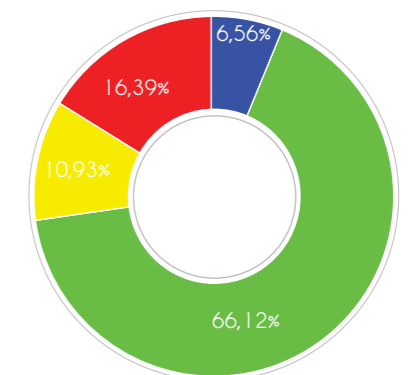
## LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Tính đến hết ngày 31/12/2015, tổng số nhân sự của Công ty là 183 người (không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm).

### Phân loại nhân sự theo trình độ

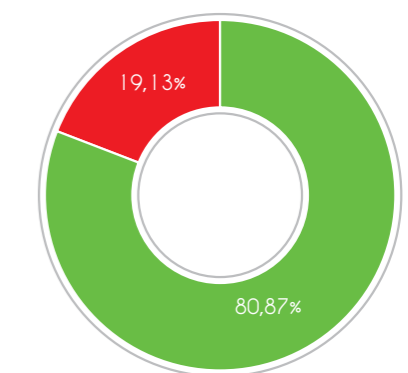
Nhìn chung, Công ty hiện đang sử dụng lao động với trình độ tương đối cao, hơn 72% lao động có trình độ đại học và trên đại học, khoảng gần 28% lao động có trình độ cao đẳng, công nhân kỹ thuật. Cụ thể như sau:

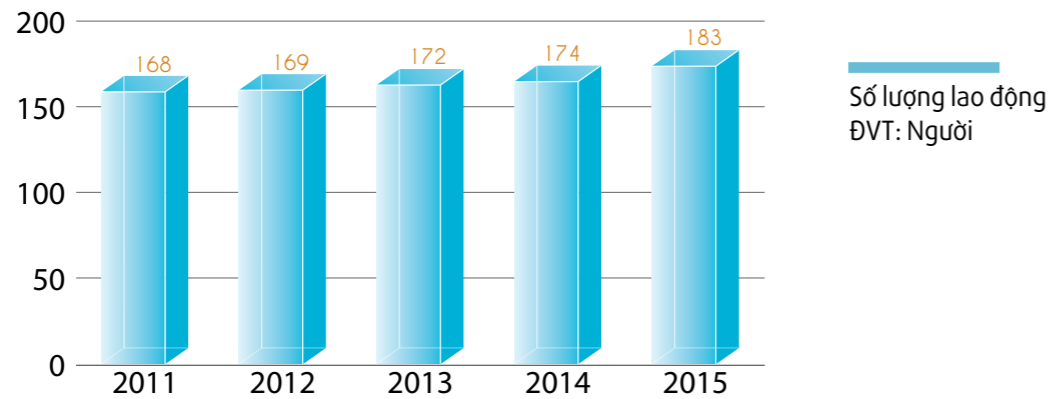
| Stt              | Phân loại lao động theo trình độ               | Số lượng   | Tỷ lệ (%)   |
|------------------|--|------------|-------------|
| 1                | Trên đại học (Trong đó có 1 tiến sĩ)           | 12         | 6,56%       |
| 2                | Trình độ Đại học                               | 121        | 66,12%      |
| 3                | Trình độ Cao đẳng/Trung cấp                    | 20         | 10,93%      |
| 4                | Trình độ Công nhân kỹ thuật/Lao động phổ thông | 30         | 16,39%      |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>183</b> | <b>100%</b> |



### Phân loại theo giới tính

| Stt              | Phân loại lao động theo giới tính | Số lượng   | Tỷ lệ (%)   |
|------------------|-----------------------------------|------------|-------------|
| 1                | Nam                               | 148        | 80,87%      |
| 2                | Nữ                                | 35         | 19,13%      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>183</b> | <b>100%</b> |





Tình hình lao động thể hiện qua các năm:

| Năm              | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 |
|------------------|------|------|------|------|------|
| Số lượng (người) | 168  | 169  | 172  | 174  | 183  |

## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức năng công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, nước ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý. Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự cho nhà máy điện Nhơn Trạch 2, theo các quy chế tuyển dụng, quy trình tuyển dụng và đào tạo vận hành. Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Công ty, nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

### Chính sách tiền lương, thưởng

Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn Công ty và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực thực tế và hiệu quả công việc. Việc xếp lương, nâng lương cho CBCNV rõ ràng, minh bạch theo quy định của Công ty, phù hợp với các quy định của ngành Dầu khí và của Chính phủ.

Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động. Chế độ thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, Tết, ngày thành lập Công ty, tiền mừng sinh nhật, đám cưới, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, Trung Thu...

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

### Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng những cá nhân tài năng và nhân sự giỏi có kinh nghiệm. Hiện nay, Công ty đã có được một đội ngũ CBCNV có đạo đức với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

### Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV Công ty; bảo hiểm nhân thọ và tài trợ một phần lớn Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm gắn kết sự gắn bó, trung thành và cống hiến của người lao động. Ngoài ra Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

NT2 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Khu nhà ở Công vụ dành cho CBCNV vận hành. Khu nhà ở được xây dựng trên diện tích đất 11.476 m<sup>2</sup> bao gồm tòa nhà chính 12 tầng với 110 căn hộ và các công trình tiện ích khác như sân tennis, khu liên hiệp thể thao, nhà để xe, khu vui chơi giải trí... nhằm phục vụ đời sống cho cán bộ công nhân viên sau những giờ làm việc.

Ngoài ra, Công ty cho thành lập nhà trẻ, trường Mầm non Ánh Dương nhằm phục vụ chăm sóc các con cháu CBCNV nhà máy, ổn định cuộc sống cho CBCNV Công ty, để người lao động yên tâm công tác. Đồng thời NT2 cũng nghiên cứu và xây dựng nhiều chính sách phù hợp để giữ chân CBCNV và thu hút thêm nguồn lao động chất lượng cao trong tương lai.

Để gắn kết các cá nhân cũng như tạo tinh thần đoàn kết giữa các CBCNV trong Công ty hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch trong và ngoài nước, các phong trào thể dục thể thao, văn thể mỹ, chương trình hoạt động từ thiện ngày hội gia đình truyền thống... để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò và thể hiện sự quan tâm gắn bó với nhau.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## 3

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Kế hoạch điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016





## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**Năm 2015**

### CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐẠT ĐƯỢC

Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã không ngừng nỗ lực để hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015. NT2 vinh dự đứng thứ hạng 123 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) tăng 43 hạng so với năm 2014; Đồng thời trong năm 2015, NT2 cũng là Công ty phát điện duy nhất vinh dự được nhận cúp vàng và bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng.

**Hoàn thành 100% kế hoạch sản lượng điện trước 72 ngày**

| Đơn vị: tỷ đồng | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Đánh giá |
|-----------------|-------------------|--------------------|----------|
| Vốn điều lệ     | 2.560             | 2.739              | 107%     |

**Ngày 27/12/2015**

NT2 là 1 trong 10 doanh nghiệp được nhận bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, được vinh danh trong bảng xếp hạng "Doanh nghiệp vì người lao động" do Báo lao động và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tổ chức.

| Đơn vị: tỷ đồng    | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Đánh giá |
|--------------------|-------------------|--------------------|----------|
| Tổng doanh thu     | 5.970             | 6.796              | 114%     |
| Tổng chi phí SXKD  | 5.509             | 5.518              | 100%     |
| Lợi nhuận sau thuế | 627,6             | 1.142              | 182%     |

**Ngày 9/1/2016**

Tập thể Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vinh dự đón nhận cờ thi đua của Bộ Công thương; TS. Hoàng Xuân Quốc – Giám đốc NT2 được vinh danh là 1 trong 10 Doanh nhân, Nhà quản lý Dầu khí xuất sắc năm 2015.

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

| SẢN LƯỢNG ĐIỆN:        | TỔNG DOANH THU          | TỔNG CHI PHÍ            | LỢI NHUẬN SAU THUẾ      |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>5.499</b><br>Tr.KWh | <b>6.796</b><br>tỷ đồng | <b>5.518</b><br>tỷ đồng | <b>1.142</b><br>tỷ đồng |
| <b>+28%</b>            | <b>+14%</b>             | <b>+0%</b>              | <b>+82%</b>             |

### SẢN LƯỢNG ĐIỆN:

Hoàn thành 100% kế hoạch sản lượng điện năm 2015 vào ngày 20/10/2015, cán đích trước 72 ngày (kế hoạch sản lượng điện 4.295 Tr.KWh). Sản lượng điện cung cấp lên lưới điện Quốc gia năm 2015 đạt 5.499 Tr.KWh, vượt 128% so với kế hoạch sản lượng điện năm 2015. Sản lượng điện lũy kế tính đến hết năm 2015 là 21.347 Tr.KWh.

### TỔNG DOANH THU NĂM 2015:

6.796 tỷ đồng đạt 114% kế hoạch tổng doanh thu năm 2015. Có được kết quả này là do sự nỗ lực của NT2 đã thực hiện chiến lược chào giá thị trường điện hợp lý, chủ động tối ưu hóa doanh thu, lợi nhuận trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường phát điện cạnh tranh, vận dụng hiệu quả các yếu tố khách quan góp phần tăng cao hiệu quả khi tham gia thị trường điện cạnh tranh.

### TỔNG CHI PHÍ NĂM 2015:

5.518 tỷ đồng bằng 100% so với kế hoạch tổng chi phí năm 2015. Với tỷ lệ % tổng chi phí thấp hơn so với tỷ lệ % sản lượng điện và tổng doanh thu là sự nỗ lực của NT2 áp dụng tối ưu hóa phương pháp cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động SXKD.

### LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2015:

1.142 tỷ đồng, đạt 182% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2015 do các yếu tố như sau:

- » Năm 2015 hạn hán kéo dài, lượng nước ở các hồ chứa của thủy điện xuống thấp nên sản lượng điện của NT2 được huy động cao.
- » Kể từ ngày 01/08/2015, giá khí của hợp đồng Mua bán khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được áp dụng theo giá khí thị trường. Do giá khí đầu vào giảm thấp theo giá dầu (giảm khoảng 30% so với giá khí trước đó), nên giá thành sản xuất điện giảm, góp phần tăng thêm sức cạnh tranh của NT2 trong thị trường điện. Với chiến lược chào giá hợp lý đã góp phần gia tăng thêm lợi nhuận. Bên cạnh đó, việc hồi tố giá khí giai đoạn từ 1/9/2013 đến hết tháng 7/2015 được thực hiện theo hình thức chuyển ngang giữa Hợp đồng Mua bán điện và hợp đồng Mua bán khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nên không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- » Sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV NT2 trong việc điều hành, khắc phục các khó khăn năm 2015 để hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh như trên.

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu                          | Đơn vị tính: tỷ đồng |          |
|-----------------------------------|----------------------|----------|
|                                   | Năm 2014             | Năm 2015 |
| Tổng giá trị tài sản              | 12.484               | 11.645   |
| Doanh thu thuần                   | 7.515                | 6.794    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.590                | 1.201    |
| Lợi nhuận khác                    | 0,9                  | 0,8      |
| Lợi nhuận trước thuế              | 1.591                | 1.202    |
| Lợi nhuận sau thuế                | 1.591                | 1.142    |

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

| Chỉ tiêu  | Năm 2014 | Năm 2015 |
|---|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>              |          |          |
| Khả năng thanh toán hiện hành                       | 1,16     | 1,47     |
| Khả năng thanh toán nhanh                           | 1,33     | 1,05     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</b>                 |          |          |
| Hệ số Nợ / Tổng tài sản                             | 66%      | 59%      |
| Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu                           | 194%     | 144%     |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>               |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                              | 39       | 18       |
| Doanh thu thuần / Tổng tài sản                      | 0,57     | 0,58     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân         | 13%      | 10%      |
| Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần                | 23%      | 17%      |
| Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân | 45%      | 25%      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần | 23%      | 18%      |

**Ghi chú:** Một số Chỉ tiêu tài chính của năm 2014 cao hơn 2015 do các nguyên nhân như sau:

- » Đối với năm 2014: Lợi nhuận sau thuế bao gồm khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản dư nợ có gốc ngoại tệ. Theo quy định các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá không được thực hiện chia cổ tức. Ngoài ra, trong năm 2014 NT2 ghi nhận doanh thu hồi tố tiền bán điện với số tiền là 658 tỷ đồng;
- » Đối với năm 2015: Lợi nhuận sau thuế chủ yếu là từ hoạt động SXKD chính, lỗ chênh lệch tỷ giá không đáng kể. Ngoài ra, trong năm 2015 giá nguyên liệu khí đầu vào được xác định theo cơ chế giá khí thị trường, đồng thời thực hiện hồi tố chênh lệch giá khí theo nguyên tắc chuyển ngang từ nguyên liệu sang giá bán điện. Việc hồi tố chênh lệch giá khí làm giảm doanh thu (giảm chi phí tương ứng) nhưng không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế. Tóm lại, việc áp dụng cơ chế giá khí thị trường làm giảm giá thành sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh, tăng cao đáng kể hiệu quả sản xuất điện theo thị trường điện.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2015,

Công ty tiếp tục triển khai các thủ tục liên quan đến Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng (NT3) để đề xuất đưa vào dự án và quy hoạch điện VII. NT3 dự kiến được xây dựng tại Trung tâm điện lực Nhơn Trạch, nằm bên cạnh Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, trên phần diện tích đất có sẵn của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Hàng năm Nhà máy sẽ đóng góp cho lưới điện quốc gia sản lượng điện khoảng 05 tỷ kWh và tiêu thụ khoảng 840 triệu m<sup>3</sup> khí.

NT3 sẽ sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp thể hệ F mới có công suất khoảng 800 MW. Cấu hình Nhà máy: 2-2-1 (2 tuabin khí + 2 lò thu hồi nhiệt + 1 tua bin hơi) tương tự Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.



**SẢN LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG MẠI**

**4.450**

Tr.Kwh

**CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH**

| Stt | Các chỉ tiêu   | Đơn vị tính        | 2016      |
|-----|--|--------------------|-----------|
| 1   | Sản lượng điện thương mại                                      | Tr.Kwh             | 4.450     |
| 2   | Khối lượng khí tiêu thụ  | Tr.Sm <sup>3</sup> | 814       |
| 3   | Tổng doanh thu   | Tỷ đồng            | 6.003     |
| 4   | Tổng chi phí   | Tỷ đồng            | 5.365     |
| 5   | Lãi từ hoạt động SXKD (chưa bao gồm CLTG đánh giá lại cuối kỳ) | Tỷ đồng            | 638       |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế   | Tỷ đồng            | 766       |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng            | 728       |
| 8   | Nộp NSNN   | Tỷ đồng            | 256       |
| 9   | Tỷ lệ % chia cổ tức  | %                  | 20        |
| 10  | Phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động (1,10%VĐL)          | CP                 | 3.000.000 |

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**

- » Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh đạt các chỉ tiêu kế hoạch 2016 đã đề ra.
- » Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- » Cải tiến và đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng, tranh thủ sự ủng hộ của các khách hàng lớn về mua khí, bán điện nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- » Hoàn thiện hơn nữa cơ cấu tổ chức đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện ngày càng chuyên nghiệp hơn, đồng thời tăng cường đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- » Củng cố công tác bảo vệ nội bộ và PCCC chuyên ngành theo quy định hiện hành.
- » Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- » Phát hành cổ phiếu ESOP để động viên người lao động hăng hái làm việc đóng góp hết mình và gắn bó lâu dài với Công ty.

- » Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty.
- » Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.
- » Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

- » Tiếp tục triển khai các thủ tục liên quan để xuất cấp thẩm quyền bổ sung dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng (NT3) vào quy hoạch điện VII hiệu chỉnh.
- » Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sản xuất kinh doanh CO2 lỏng từ khói thải Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- » Xem xét khả năng nâng công suất bằng phương pháp phun sương (fogging).

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

- » Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Tập trung thực hiện tốt công tác tiểu tu 02 tổ máy tuabin khí đảm bảo vận hành an toàn ổn định.
- » Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong tham gia thị trường điện, đảm bảo tối ưu công tác vận hành mang đến hiệu quả cao nhất.
- » Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PV Gas và các đơn vị liên quan, tối ưu hóa thời gian phát điện.
- » Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- » Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- » Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý điều hành.
- » Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- » Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- » Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.



# BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

## 4

Báo cáo của Ban Điều hành

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát



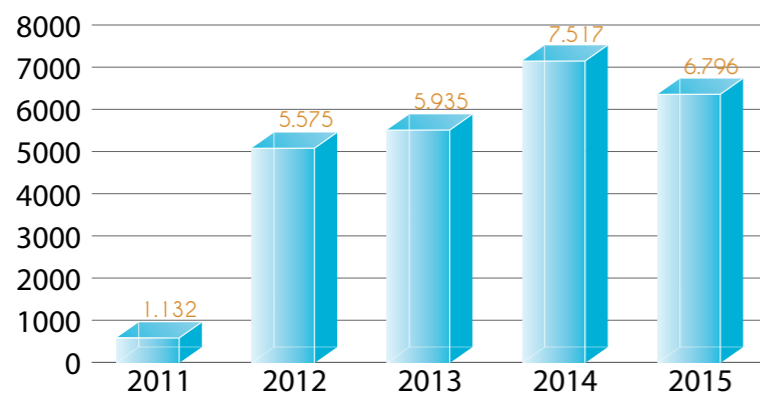




**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | 2011  | 2012  | 2013  | 2014 <sup>(*)</sup> | 2015  | KH/TH 2015 |
|----------------------|-------------|-------|-------|-------|---------------------|-------|------------|
| Sản lượng điện       | Tr.KWh      | 1.765 | 4.649 | 4.687 | 4.763               | 5.499 | 128%       |
| Tổng doanh thu       | Tỷ VNĐ      | 1.132 | 5.575 | 5.935 | 7.517               | 6.796 | 114%       |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ VNĐ      | 18,1  | 7,7   | 8,2   | 1.591               | 1.202 | 182%       |
| Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ VNĐ      | 15,4  | 7,7   | 8,2   | 1.591               | 1.142 | 182%       |



Doanh thu  
ĐVT: tỷ đồng

<sup>(\*)</sup> Năm 2014, Doanh thu NT2 tăng cao do ghi nhận khoản doanh thu hồi tố tiền bán điện với số tiền là 658 tỷ đồng và khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản dư nợ có gốc ngoại tệ với số tiền 403 tỷ đồng.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| Năm/Chỉ tiêu (tỷ đồng) | 2011          | 2012          | 2013          | 2014          | 2015          |
|------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Tổng tài sản</b>    | <b>14.473</b> | <b>13.486</b> | <b>12.186</b> | <b>12.483</b> | <b>11.645</b> |
| TS ngắn hạn            | 1.916         | 2.079         | 1.983         | 2.768         | 2.981         |
| TS dài hạn             | 12.557        | 11.407        | 10.203        | 9.715         | 8.664         |
| <b>Nguồn vốn</b>       | <b>14.473</b> | <b>13.486</b> | <b>12.186</b> | <b>12.483</b> | <b>11.645</b> |
| Nợ ngắn hạn            | 2.413         | 2.530         | 2.082         | 2.376         | 2.023         |
| Nợ dài hạn             | 9.283         | 8.173         | 7.316         | 5.860         | 4.853         |
| Vốn chủ sở hữu         | 2.777         | 2.783         | 2.788         | 4.247         | 4.769         |



**TỔNG TÀI SẢN**

**11.645**

**TỶ ĐỒNG**

**ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2015, Công ty đã xuất sắc hoàn thành vượt kế hoạch với sản lượng điện thực hiện là 5.449 Tr.kWh đạt 128% so với kế hoạch năm 2015, đạt 114% so với sản lượng thực hiện năm 2014.

Tổng doanh thu 6.796 tỷ đồng đạt 114% so với kế hoạch năm 2015.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.202 tỷ đồng đạt 182% so với kế hoạch năm 2015.

Hoàn thành đúng tiến độ công tác tiêu tu đảm bảo an toàn, chất lượng tốt và tiết kiệm chi phí. Sau khi kết thúc công tác tiêu tu, theo đánh giá sơ bộ thì công suất phát của các tổ máy GT11, GT12 tăng cao hơn so với thời điểm trước khi thực hiện tiêu tu trung bình từ 4 -6 MW/tổ máy.

**Công tác vận hành:**

Từ đầu năm đến nay, công tác vận hành của NT2 luôn đảm bảo an toàn được huy động công suất tương đối cao trừ khoảng thời gian ngừng máy để tiến hành tiêu tu các tổ máy.



Sản lượng điện  
**5.449 Tr.kWh**

**14%**  
so với năm 2014



Lợi nhuận trước thuế  
**1.202 Tỷ đồng**

**82%**  
kế hoạch năm 2015

**Công tác tham gia thị trường điện:**

Công tác tham gia thị trường điện cạnh tranh đạt kết quả tích cực làm chủ tình hình và đạt hiệu quả về sản lượng điện cũng như lợi nhuận khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh trong năm 2015.

Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định.

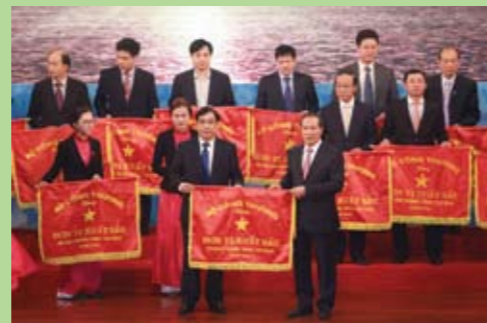
**Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn:**

Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn cho 100.000 giờ EOH đầu tiên của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PVPS) được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được PVPS thực hiện tốt.

Trong năm 2015, NT2 đã thực hiện chuyển sàn niêm yết mã cổ phiếu NT2 từ sàn UPCoM sang niêm yết tại sàn giao dịch HoSE; thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, hoàn thành công tác tiêu tu đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

**Kết thúc năm 2015**

Vinh dự nhận Cờ thi đua của Bộ Công thương.



NT2 nhận Bằng khen và Kỷ niệm chương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng, vinh danh trong bảng xếp hạng "Doanh nghiệp vì người lao động" lần thứ II.



Vinh dự là đơn vị duy nhất trong lĩnh vực sản xuất điện nhận giải vàng chất lượng tỉnh Đồng Nai năm 2015 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai trao tặng.



Vinh dự đứng thứ hạng 123 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).



Đạt mốc sản lượng 20 tỷ kWh vào ngày 11/10/2015 và hoàn thành kế hoạch năm 2015 trước 72 ngày.

Điều này thể hiện sự nỗ lực hết mình, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty; sự tin tưởng từ các cổ đông; sự gắn bó và hỗ trợ kịp thời của Cơ quan, ban ngành, đối tác Công ty đã vượt qua khó khăn để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**Tình hình tài sản**

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 11.644.672.026.820 VNĐ giảm so với thời điểm ngày 31/12/2014 (12.483.548.977.559), chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- » Tài sản dài hạn giảm 1.051 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định giảm 688 tỷ đồng chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định tăng. Ngoài ra tài sản dài hạn khác cũng giảm 204 tỷ đồng do phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn vào kết quả sản xuất kinh doanh.
- » Tài sản ngắn hạn tăng 212,7 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2014 chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng, điều này cho thấy khả năng thanh toán nhanh của Công ty cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn trả...

**Tình hình nợ phải trả**

Khoản nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 6.876.213.880.783 VNĐ giảm so với thời điểm ngày 31/12/2014 (8.236.865.216.747VNĐ), chủ yếu là do dư nợ vay dài hạn giảm (1.007 tỷ VNĐ) vì Công ty đã thanh toán các khoản nợ dài hạn đến hạn trả theo lịch trả nợ. Nhìn chung tình hình tài chính của Công ty trong năm 2015 lành mạnh, dòng tiền được cân đối một cách hợp lý đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả.

**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

**Thành lập phòng Sự kiện và Quan hệ cổ đông**

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác quan hệ cổ đông sau khi chuyển niêm yết cổ phiếu NT2 sang sàn HoSE, năm 2015 Công ty đã thành lập phòng Sự kiện và Quan hệ cổ đông để thực hiện tốt công tác liên quan, từng bước xây dựng thương hiệu NT2 thành thương hiệu mạnh trên thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.

Kể từ khi thành lập, Phòng Sự kiện và Quan hệ cổ đông đã phối hợp tổ chức các sự kiện: Đại hội cổ đông thường niên, Đại hội cổ đông bất thường, Hội nghị khách hàng... thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo quy định của thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền cổ đông; vận hành Website của Công ty cập nhật đầy đủ và kịp thời thông tin hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện công tác quảng cáo, tiếp thị, thu hút nhà đầu tư tiềm



năng, quảng bá, nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường chứng khoán đưa mã NT2 trở thành cổ phiếu tin cậy, có giá trị đến với các nhà đầu tư trong và ngoài nước một cách bài bản, độc lập và chuyên nghiệp.

#### Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật

Năm 2015, NT2 triển khai công tác cải tiến, phát huy sáng kiến kỹ thuật đến mỗi phòng/ban, phân xưởng. Công ty khích lệ mỗi CBCNV phát huy sáng kiến, giúp tăng năng suất sản xuất, làm lợi cho công ty nhiều tỷ đồng. Năm qua, Công ty có hai sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiêu biểu: Sáng kiến thứ nhất là “Giải pháp lắp đặt thêm nguồn điều khiển cho van ESV trạm Gas Lot 3 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” với giá trị làm lợi tương ứng với giá trị cụ thể: Tăng 380 EOH/2 tổ máy, tương ứng với khoản chi phí khoảng 228.000 Euro nếu mua thiết bị thay thế; nếu không có giải pháp trên thì khoảng 2 giờ khắc phục sự cố sản lượng thiếu hụt là 1500MWh, giảm lợi nhuận khoảng 130 triệu và chi phí khởi động cho mỗi tổ máy tương đương 1 tỷ đồng. Sáng kiến thứ hai là “Giải pháp chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục của Tuabin khí, Tuabin hơi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” đã thực hiện và làm lợi hơn 2 tỷ đồng cho Công ty.



- Thành lập Quỹ Phát triển Khoa học & Công nghệ

Năm 2015, NT2 đã thành lập Quỹ Phát triển nhu cầu phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của Công ty, đồng thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động quỹ. Từ đó, nâng cao công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, ứng dụng đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, làm lợi cho công ty và cổ đông. Quỹ phát triển khoa học công nghệ đã được sử dụng đúng mục đích, kinh phí cấp để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và được áp dụng thực tế vào doanh nghiệp.



#### Áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động SXKD

Năm 2015, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã tổ chức khóa đào tạo và thực hành áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Sẵn sàng – Sẵn sàng). CBCNV tham gia lớp học được hướng dẫn, đào tạo về phương pháp để áp dụng tốt 5S trong toàn Công ty. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

#### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| <b>SẢN LƯỢNG ĐIỆN:</b><br><b>4.450</b><br>Tr.KWh | <b>TỔNG DOANH THU</b><br><b>6.003</b><br>tỷ đồng | <b>CHIA CỔ TỨC</b><br><b>20</b><br>phần trăm | <b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b><br><b>728</b><br>tỷ đồng |
|--|--|--|--|

Trên cơ sở kết quả SXKD nổi bật của năm 2015, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển năm 2016 như sau:

#### Kế hoạch các chỉ tiêu sản lượng:

| Chỉ tiêu                           | Đơn vị tính        | Kế hoạch 2016 |
|------------------------------------|--------------------|---------------|
| Sản lượng điện thương mại năm 2016 | Tr.Kwh             | 4.450         |
| Khối lượng khí tiêu thụ năm 2016   | Tr.Sm <sup>3</sup> | 814           |

#### Kế hoạch tài chính:

| Chỉ tiêu   | Đơn vị tính | Kế hoạch 2016 |
|--|-------------|---------------|
| Tổng doanh thu năm 2016  | Tỷ đồng     | 6.003         |
| Tổng chi phí năm 2016  | Tỷ đồng     | 5.365         |
| Lãi từ hoạt động SXKD (chưa bao gồm CLTG đánh giá lại cuối kỳ) | Tỷ đồng     | 638           |
| Nộp NSNN năm 2016  | Tỷ đồng     | 256           |

#### Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, bảo dưỡng:

- Tiến hành kế hoạch tiểu tu 02 tổ máy tuabin khí (GT11, GT12) dự kiến thực hiện vào 07/2016.

#### Kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP 2016:

- Dự kiến phát hành cổ phiếu cho người lao động sau khi được ĐHCĐ phê duyệt sau ĐHCĐ thường niên 2016.
- Xây dựng thương hiệu NT2 trở thành mã chứng khoán hàng đầu về ngành điện trên thị trường Chứng khoán.

#### Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2016:

| Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Kế hoạch 2016 |
|---|-------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế  | Tỷ đồng     | 728           |
| Trích quỹ đầu tư phát triển   | %           | 5             |
| Trích quỹ dự phòng tài chính  | %           | 3             |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi – thưởng Ban điều hành (không vượt quá 20 tỷ đồng) | %           | 5             |
| Chia cổ tức năm 2016  | %           | 20            |

#### GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có, do kiểm toán không có ý kiến yêu cầu giải trình.



*“VỚI NHỮNG NỖ LỰC CỦA MỘT TẬP THỂ ĐOÀN KẾT, NT2 ĐÃ CÓ NHỮNG THÀNH TÍCH ẤN TƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, LÀ MÃ CỔ PHIẾU NGÀNH ĐIỆN ĐƯỢC CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC QUAN TÂM. KẾT QUẢ KHẢ QUAN TRONG SẢN XUẤT NĂM 2015 DỰA TRÊN HOẠT ĐỘNG CỐ LỖI, ỔN ĐỊNH, TẠO NÊN GIÁ TRỊ LỚN CHO CÔNG TY VÀ CỔ ĐỒNG.”*

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động SXKD năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về đích trước hạn. Điển hình của sự thành công đó là Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD điện với Một số thành tựu quan trọng trong năm 2015 (chi tiết xem Khoản 1.1, Mục 1, Phần IV của Báo cáo này).

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch

| Công việc  | Kế hoạch 2015                  | Thực hiện 2015   | Tỷ lệ % đạt được so với KH                                      |
|--|--------------------------------|--|---|
| <b>A. Kế hoạch nhân sự</b>                             |                                |  |   |
| Định biên nhân sự                                      | 183 người                      | 183 người  | 100%  |
| <b>B. Sản xuất điện</b>                                |                                |  |   |
| Kế hoạch sản xuất điện cung cấp lên lưới điện quốc gia | 4,295 tỷ kWh                   | 5,499 tỷ kWh   | 128%  |
| <b>C. Kế hoạch tài chính</b>                           |                                |  |   |
| Tổng Doanh thu   | 5970 tỷ đồng                   | 6.796 tỷ đồng  | 114%  |
| Tổng Chi phí   | 5.509 tỷ đồng                  | 5.518 tỷ đồng  | 100%  |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 627 tỷ đồng                    | 1.142 tỷ đồng  | 182%  |
| Nộp NSNN   | 236 tỷ đồng                    | 333 tỷ đồng  | 141%  |
| <b>D. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa</b>                 |                                |  |   |
| Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2                      | Thời gian tiểu tu tháng 7/2015 | Công tác tiểu tu và đưa các tổ máy GT11, GT12 vào vận hành theo đúng kế hoạch đã đăng ký với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (AO) | Các tổ máy GT11, GT12 tăng trung bình từ khoảng 4 - 6 MW/tổ máy |

Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2015

|                       | Đơn vị tính: VNĐ          |
|-----------------------|---------------------------|
| <b>Tổng tài sản</b>   | <b>11.644.672.026.820</b> |
| Tài sản ngắn hạn      | 2.980.677.860.169         |
| Tài sản dài hạn       | 8.663.994.166.651         |
| <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>11.644.672.026.820</b> |
| Nợ phải trả           | 6.876.213.880.783         |
| Nguồn vốn chủ sở hữu  | 4.768.458.146.037         |

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, TIẾT GIẢM CHI PHÍ NĂM 2015

Hội đồng quản trị chủ động chỉ đạo triển khai, thực hiện nghiêm túc công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, giám sát Công ty trong việc triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm mang lại hiệu quả thiết thực nhất trong công tác hoạt động SXKD của Công ty.

**Kết quả việc thực hiện tiết kiệm năm 2015 Công ty đạt được như sau:** Công ty đã tiết kiệm, tiết giảm chi phí số tiền là 22,046 tỷ đồng, đạt 312% so với kế hoạch đề ra.



### CÔNG TÁC THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI



Luôn đồng hành cùng cộng đồng, Hội đồng quản trị đã quan tâm, chỉ đạo công ty các công tác an sinh xã hội. Trong năm 2015, Công ty đã chi 8,3 tỷ đồng để thực hiện công tác an sinh xã hội.

Những đóng góp cải thiện đời sống cho một số hộ nghèo tại địa phương, các trường học được trang bị thêm thiết bị dạy học... Tất cả là sự chia sẻ của NT2 với cộng đồng, cho một xã hội tốt đẹp hơn.

**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Năm 2015, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc luôn có sự nhất trí cao, thống nhất điều hành, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban giám đốc năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, góp phần to lớn làm nên những thành công đáng tự hào của Công ty trong năm qua.

Xác định chú trọng vào hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh điện năng, Hội đồng quản trị cùng Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng, quan tâm đến công tác điều hành, chỉ đạo sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chiến lược chào giá trong thị trường điện cạnh tranh. Sau gần 04 năm vận hành thương mại, ngày 11/10/2015 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã cán mốc 20 tỷ kWh điện, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong sứ mệnh đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, chứng

tỏ bước trưởng thành vượt bậc của Điện lực Dầu khí Việt Nam. Qua đó, NT2 đang ngày càng khẳng định đóng góp quan trọng của mình đối với hệ thống điện quốc gia, đặc biệt là đối với việc ổn định lưới điện miền Nam.

Bên cạnh nhiệm vụ chính là sản xuất điện, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng rất chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu NT2 trên thị trường chứng khoán. Những quyết sách đúng đắn, phù hợp của Ban lãnh đạo đã góp phần nâng giá trị cổ phiếu NT2 và hiện nay mã cổ phiếu NT2 là một trong mã yêu thích của khối ngoại với lượng mua ròng lớn qua các phiên giao dịch.

NT2 được vinh dự đứng thứ hạng 123 trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, tăng 43 hạng so với năm 2014 theo công bố của Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam.

NT2 được vinh danh là 1 trong 10 đơn vị được Tổng liên đoàn Lao động tặng Bằng khen, thuộc bảng xếp hạng “Doanh nghiệp vì người lao động” năm 2015 và là đơn vị duy nhất trong lĩnh vực sản xuất điện nhận giải vàng chất

lượng tỉnh Đồng Nai năm 2015 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai trao tặng.

Về quản trị Công ty, TS. Hoàng Xuân Quốc – Giám đốc NT2 được vinh danh là 1 trong 10 Doanh nhân, Nhà quản lý Dầu khí xuất sắc năm 2015. Mặc dù mới chuyển sàn niêm yết sang HoSE hơn nửa năm, cuối năm 2015 mã cổ phiếu NT2 đã được xem xét và lọt rổ VN30 với tính thanh khoản cao qua các phiên giao dịch.

Tất cả thành công đó là minh chứng cho sự đoàn kết của một tập thể tăng trưởng, phát triển vượt trội của Công ty trong năm qua, góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế nước nhà.

Tóm lại, năm 2015 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông Công ty giao, mang lại hiệu quả to lớn cho Công ty và cổ đông, đồng thời đang dần khẳng định được vị thế trên thị trường.



**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

VỚI MỤC TIÊU CHÍNH LÀ VẬN HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN AN TOÀN, ỔN ĐỊNH, TỐI ƯU HOÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NHẪM ĐẠT LỢI NHUẬN TỐT NHẤT. TRONG NĂM 2016 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SẼ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO CÔNG TY TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỤ THỂ NHƯ SAU

SẢN LƯỢNG NĂM 2016

**4.450** TỶ kWh

LÃI TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD

**638** TỶ ĐỒNG

**Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

Năm 2016 Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016:
  - » Thời gian dự kiến đại hội: Ngày 25/03/2016
- b) Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:
  - » Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông giao;
  - » Chỉ đạo tiếp tục triển khai các thủ tục liên quan xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 mở rộng (NT3) sau khi dự án được đưa vào quy hoạch điện VII điều chỉnh;
  - » Chỉ đạo lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sản xuất kinh doanh CO2 lỏng từ khí thải Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
  - » Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong năm 2016 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và giám sát việc thực hiện sản xuất điện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành để quản lý vật tư thiết bị và kiểm soát chi phí trong vận hành nhà máy nhằm tăng cường hiệu quả trong SXKD của Công ty;
  - » Chỉ đạo chuẩn bị và triển khai công tác tiểu tu 02 tổ máy tuabin khí GT11 và GT12 dự kiến vào tháng 07/2016, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo độ an toàn tin cậy, hiệu quả;
  - » Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời; đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay;

- » Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2016;
- » Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý; tăng cường các khóa đào tạo quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành;
- » Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp.

c) Phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 2016 của Công ty như sau:

- » Kế hoạch sản xuất điện: Sản lượng điện thương mại năm 2016 là 4.450 tỷ kWh;
- » Kế hoạch tài chính năm 2016:

| Chỉ tiêu   | Đơn vị tính | Kế hoạch 2016 |
|--|-------------|---------------|
| Tổng doanh thu   | Tỷ đồng     | 6.003         |
| Tổng chi phí   | Tỷ đồng     | 5.365         |
| Lãi từ hoạt động SXKD (chưa bao gồm CLTG đánh giá lại cuối kỳ) | Tỷ đồng     | 638           |

- » Quỹ Khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành: 5% Lợi nhuận sau thuế nhưng không vượt quá 20 tỷ đồng
  - » Nộp ngân sách Nhà nước: 256 tỷ đồng
  - » Kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị: 177 tỷ đồng
- d) Kế hoạch thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016
- » Trả thù lao cho Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/ng/tháng
  - » Trả thù lao cho Thành viên BKS: 2,5 triệu đồng /ng/tháng

e) Kế hoạch chia cổ tức năm 2016: 20% /vốn điều lệ

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 CỦA CÔNG TY

Nhìn chung, NT2 tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế quản lý tài chính, quy định về mua sắm đầu tư và chú trọng trong việc triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí hiệu quả:

### Hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 duy trì vận hành ổn định, sản xuất đạt sản lượng cao 5.499.481.512 kWh đạt 128% kế hoạch năm. Năm 2015, Công ty đã tham gia thị trường điện cạnh tranh thực sự hiệu quả. Nhờ có chiến lược chào giá hợp lý và tối ưu công tác vận hành đã đem lại lợi nhuận trước thuế 1.202 tỷ đồng.

### Công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương

NT2 tiếp tục tập trung phát triển nguồn lực con người từ lĩnh vực quản lý, đến lực lượng lao động kỹ thuật sản xuất vận hành nhà máy. Công tác quản lý và tổ chức đào tạo tuân thủ đúng Quy trình đào tạo của NT2, các chi phí đào tạo đều được phê duyệt theo đúng phân cấp, thẩm quyền.

### Công tác tài chính kế toán

Ban kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2015 của NT2 theo kế hoạch đề ra.

Sau khi Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, Ban kiểm soát nhận thấy BCTC đã phản ánh

|                 |                |            |
|-----------------|----------------|------------|
| 3<br>THÀNH VIÊN | NGUYỄN THỊ HÀ  | Trưởng Ban |
|                 | NGUYỄN VĂN KỶ  | Thành viên |
|                 | TRẦN QUỐC HÙNG | Thành viên |

trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. Theo đó:

- » Doanh thu thực hiện năm 2015: 6.796 tỷ đồng đạt 114% so với kế hoạch.
- » Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2015: 1.202 tỷ đạt 182% so với kế hoạch.
- » Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2015: 1.142 tỷ đạt 182% so với kế hoạch.

## KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC CỦA NT2

### Hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị NT2 triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng để Ban giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc gửi phiếu lấy ý kiến về các vấn đề của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;

HĐQT NT2 đã ban hành 77 Nghị quyết/Quyết định trong năm 2015. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

### Hoạt động của Ban Giám đốc

Ban giám đốc điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT, Ban giám đốc đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

## KIẾN NGHỊ

Xem xét và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

# 5

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát





## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Stt | Họ và tên                 | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số lượng chức danh TV.HĐQT nắm giữ tại công ty khác | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%) |
|-----|---------------------------|------------------------------|---|----------------------------|-----------------------------------|
| 1   | Ông Ưông Ngọc Hải         | CT. HĐQT                     | 0   | 0                          | 0                                 |
| 2   | Ông Hoàng Xuân Quốc       | UV. HĐQT – GD                | 0   | 51.400                     | 0.0188                            |
| 3   | Ông Phạm Cương            | UV. HĐQT                     | 0   | 5.350                      | 0.0020                            |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | UV. HĐQT                     | 0   | 0                          | 0                                 |
| 5   | Ông Lương Ngọc Anh        | UV. HĐQT                     | 0   | 0                          | 0                                 |

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các TV. HĐQT kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để giữ vững cũng như tiếp tục phát huy những thành công mà Công ty đã đạt được, Hội đồng quản trị luôn luôn ý thức được chức trách và nhiệm vụ được giao, hoạt động rất tích cực, nhất quán trong chỉ đạo, chủ động cùng Ban Giám đốc trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty nhằm đạt mục tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch SXKD mà Đại hội cổ đông đã phê duyệt. Sự phối hợp tốt giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã góp phần mang lại hiệu quả cao trong công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Năm 2015 sản lượng điện thực hiện của NT2 đạt 5,499 tỷ kWh, vượt kế hoạch 28%. Tổng sản lượng điện lũy kế của NT2 kể từ khi phát điện thương mại (16/10/2011) đến hết năm 2015 đạt 21,35 tỷ kWh. Đây là một thành quả ghi dấu sự nỗ lực, không ngừng phấn đấu của HĐQT, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong năm 2015 là hoàn thành việc chuyển sàh giao dịch cổ phiếu NT2 từ UPCoM sang sàh giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE). Cổ phiếu NT2 của Công ty chính thức được niêm yết tại HoSE theo Quyết định số 196/QĐ-SGDHCM ngày 02/06/2015 của HoSE và phiên giao dịch đầu tiên được bắt đầu vào ngày 12/06/2015.

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức thành công các cuộc họp thường kỳ để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Công ty, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, chi tiết thống kê các kỳ họp của HĐQT



TỔNG SẢN LƯỢNG ĐIỆN LŨY KẾ ĐẾN HẾT NĂM 2015

**21,35** TỶ kWh

như sau:

Ngoài các cuộc họp được triệu tập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị còn tổ chức lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản để ra các Nghị quyết/Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- » Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông và Ủy ban Chứng khoán theo đúng quy định.
- » Hàng tháng, Công ty đều có thông báo gửi đến các

| Stt | Thành viên HĐQT           | Chức vụ        | Số buổi họp tham dự | Ghi chú  |
|-----|---------------------------|----------------|---------------------|--|
| 1   | Ông Hoàng Xuân Quốc       | UV HĐQT-GD     | 03                  |  |
| 2   | Ông Lương Ngọc Anh        | UV HĐQT        | 03                  |  |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | UV HĐQT        | 03                  |  |
| 4   | Ông Lê Tự Hiểu            | Nguyên CT.HĐQT | 02                  | Miễn nhiệm ngày 06/11/2015 vì nghỉ hưu theo chế độ |
| 5   | Ông Ưông Ngọc Hải         | CT.HĐQT        | 01                  | Bầu thay thế Ô. Lê Tự Hiểu ngày 06/11/2015         |
| 6   | Ông Nguyễn Minh Tuấn      | Nguyên UV.HĐQT | 02                  | Miễn nhiệm ngày 06/11/2015 vì chuyển công tác      |
| 7   | Ông Phạm Cương            | UV HĐQT        | 01                  | Bầu thay thế Ô. Nguyễn Minh Tuấn ngày 06/11/2015   |

Các TV.HĐQT cũng thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ.

### Việc ban hành và thực hiện các Quyết định, Nghị quyết, Quy chế và Quy định:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành 26 Nghị quyết và 52 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc công tác giám sát đối với Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc Ban điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt. Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông/Hội đồng Quản trị rất kịp thời, nghiêm túc nên kết quả đạt được là Công ty đã hoàn thành hầu hết tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2015.

### Quan hệ với cổ đông:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công 02 kỳ đại hội cổ đông: Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 22/04/2015 với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt 83,61% và Đại hội cổ đông bất thường được tổ chức vào ngày 06/11/2015 với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt 86,94%.

- » Cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo, Nghị quyết/Quyết định của Đại hội cổ đông cho các cổ đông.

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của Hội đồng quản trị. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị làm cơ sở để Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan.

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị. Các Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Hoàng Xuân Quốc - Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Ông Lương Ngọc Anh - Ủy viên HĐQT.

**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT**

| Stt | Họ và tên      | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phần nắm giữ |
|-----|----------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Hà  | TBKS                         | 4.280              |
| 2   | Nguyễn Văn Kỳ  | TV. BKS                      | 0                  |
| 3   | Trần Quốc Hùng | TV. BKS                      | 0                  |

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát có 3 thành viên bao gồm 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm. Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua. Ban Kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và làm việc theo nguyên tắc tập thể.

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên để thông qua các nội dung chính:

Báo cáo của Ban Kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính quý/bán niên/năm

Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015

....

Ngoài ra Ban Kiểm soát còn đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong quá trình quản trị doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra giám sát thường xuyên và định kỳ trong năm chủ yếu tập trung vào việc:

Giám sát thực hiện kế hoạch 2015, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Giám sát việc sử dụng và bảo toàn vốn, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, chống lãng phí;

Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

**LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng trên)

| STT | Người thực hiện giao dịch                        | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |           | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi....)  |
|-----|--|--|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|
|     |  |  | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ (%) |  |
| 1   | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower) | Cổ đông lớn                            | 160.766.150               | 62,8      | 164.352.000                | 60        | - Từ 11/05/2015 - 18/05/2015 PVPower đã bán bớt 7.166.150 CP (tương đương với tỷ lệ 2,8%)<br>- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch bán là 153.600.000 CP (tỷ lệ 60%)<br>- Ngày 11/09/2015 PVPower được nhận thêm 7% cổ tức bằng cổ phiếu, tương đương 10.752.000 CP<br>- Số lượng cổ phiếu sau khi nhận được 7% cổ tức là 164.352.000 CP |
| 2   | Tập đoàn Bưu chính viễn thông VNPT               | Cổ đông lớn                            | 12.800.000                | 5         | 0                          | 0         | Bán  |
| 3   | Công ty Electric Power Development CO.,Ltd       | Cổ đông lớn                            | 12.800.000                | 5         | 0                          | 0         | Bán  |
| 4   | Tổng công ty Điện lực - Vinacomin                | Cổ đông lớn                            | 12.800.000                | 5         | 0                          | 0         | Bán  |
| 5   | Lê Tự Hiếu                                       | Cổ đông nội bộ                         | 7.500                     | 0,0029    | 17.305                     | 0,006     | Mua  |
| 6   | Hoàng Xuân Quốc                                  | Cổ đông nội bộ                         | 0                         | 0         | 51.400                     | 0,019     | Mua  |
| 7   | Ngô Đức Nhân                                     | Cổ đông nội bộ                         | 5.000                     | 0,0020    | 10.700                     | 0,0039    | Mua  |
| 8   | Nguyễn Ngọc Hải                                  | Cổ đông nội bộ                         | 7.500                     | 0,0029    | 10.700                     | 0,0039    | Mua  |
| 9   | Nguyễn Hữu Minh                                  | Cổ đông nội bộ                         | 0                         | 0         | 10.700                     | 0,0039    | Mua  |
| 10  | Nguyễn Thị Hà                                    | Cổ đông nội bộ                         | 0                         | 0         | 4.280                      | 0,0016    | Mua  |
| 11  | Trần Thị Thanh                                   | NCLQ                                   | 0                         | 0         | 11.500                     | 0,0042    | Mua  |

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không có

**VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị Công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## 6

Văn hóa doanh nghiệp

Quan hệ nhà đầu tư

An toàn sức khỏe môi trường

An sinh Xã hội





Không chỉ chú trọng về hiệu quả sản xuất kinh doanh, NT2 luôn nỗ lực vì sự phát triển bền vững trên nền tảng xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hoạt động và phát triển. Văn hóa doanh nghiệp được xem như khối tài sản vô hình, là động lực gắn kết mỗi CBCNV cùng phấn đấu xây dựng thương hiệu NT2 đoàn kết, vững mạnh.

*“Thân thiện - Hiệu quả - An toàn”*

## GIỚI THIỆU VĂN HÓA NT2

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh, các doanh nghiệp phải luôn đổi mới không ngừng và vạch ra định hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh thiết thực nhằm đem lại hiệu quả cao nhất về mọi lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên, để đạt mục đích tối cao là lợi nhuận, bền vững và phát triển, NT2 đã tạo cho mình cách quản trị riêng, hiệu quả, đồng thời xác định hướng đi đúng đắn, độc đáo và mang bản sắc kinh doanh của riêng mình. Văn hóa doanh nghiệp là giá trị mà NT2 luôn quan tâm để gắn kết người lao động, tạo ra nét riêng NT2 “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”. Văn hóa doanh nghiệp vừa tạo động lực để người lao động thể hiện mình, nâng cao sự cạnh tranh, tạo nên sân chơi lành mạnh, đoàn kết giữa các phòng/ban, bộ phận, cùng cố gắng mang lại lợi ích to lớn cho doanh nghiệp.

## NHỮNG HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG VĂN HÓA NT2

Dựa trên các nội quy được ban hành trong văn hóa ứng xử nội bộ đến quy tắc tiếp công dân...tất cả nội dung được Công ty triển khai đến phòng ban và được cán bộ công nhân viên Công ty nghiêm túc thực hiện. Ngay trong slogan của công ty “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn” luôn đề cao sự thân thiện trong văn hóa giao tiếp giữa nội bộ Công ty, giữa NT2 và các đối tác, cổ đông và nhà đầu tư. Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai đồng bộ trên các mặt đã tạo sự quyết tâm và nhất trí cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong Công ty, phát huy tinh thần tập thể đại đoàn kết để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty trong giai đoạn phát triển hiện nay. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên và người lao động luôn luôn được quan tâm đúng mức.

Trong năm qua, NT2 đã tổ chức giải Tennis người lao động với số lượng vận động viên tham dự trên 30 vận động viên, giải Bóng đá với sự tham gia của các đơn vị Dầu khí khu vực Nhơn Trạch, Đồng Nai nhân dịp Tháng công nhân với hơn 80 vận động viên tham gia tranh tài.

Hội thao truyền thống người lao động NT2 diễn ra sôi nổi vào tháng 12 hằng năm. Phát huy truyền thống “Người lao động Nhơn Trạch 2 với văn hóa ngành Dầu khí” mừng thắng lợi cho một năm lao động hăng say, hoàn thành kế hoạch được giao, về đích trước 72 ngày, hội thao diễn ra tại khu nhà công vụ NT2 tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với 17 bộ môn thi đấu gồm 60 giải thưởng và thu hút trên 250 lượt người đăng ký tham gia. Đây là một hoạt động phong trào không thể thiếu đối với người lao động, tạo thêm ý thức gắn bó, đoàn kết học hỏi lẫn nhau, góp phần xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh và phát triển.

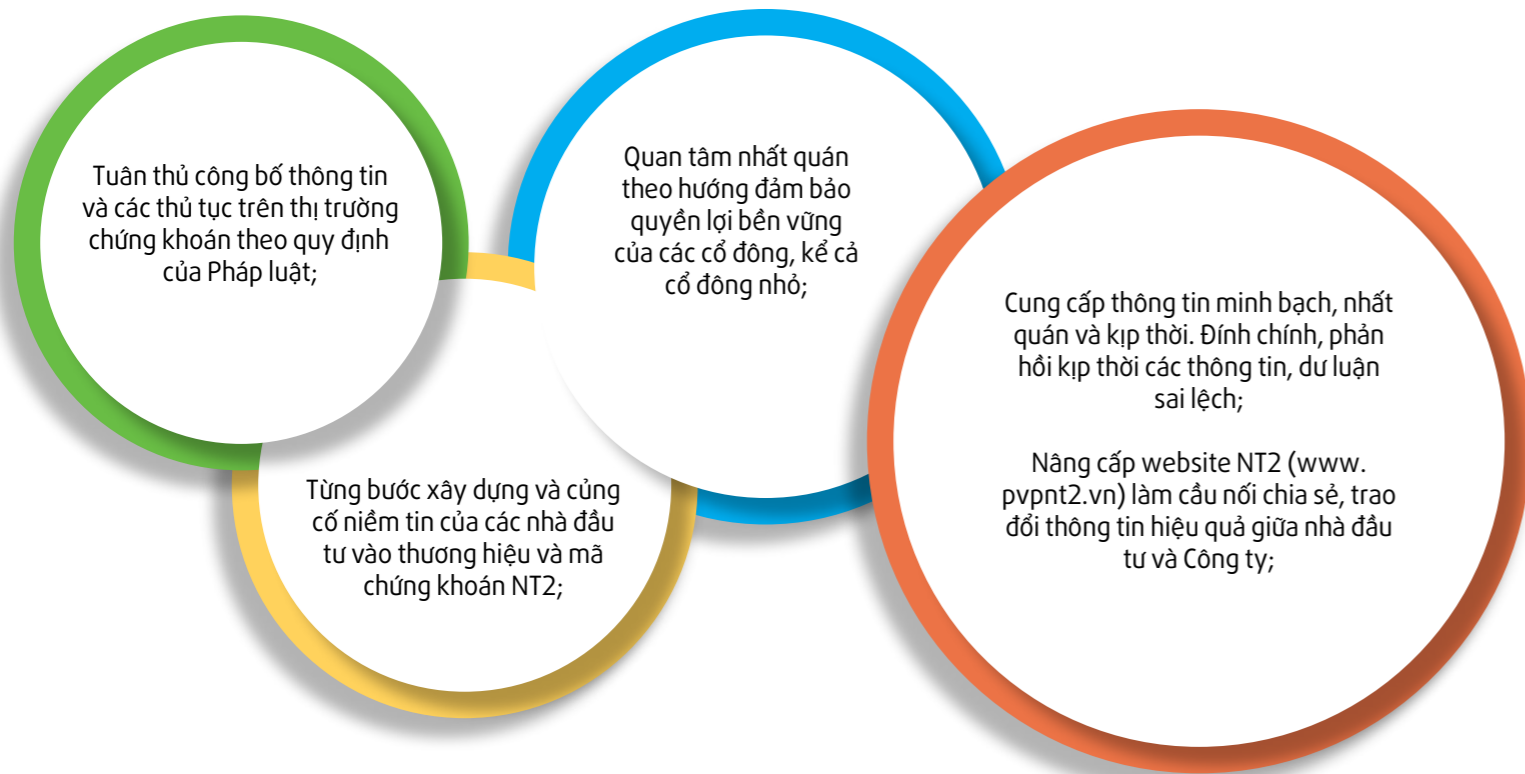


Hoạt động văn hóa, văn nghệ ngày càng được Hội đồng quản trị, Ban điều hành quan tâm và chú trọng nhằm tạo ra một môi trường làm việc và sinh hoạt lành mạnh cho hơn 180 CBCNV toàn Công ty. Một NT2 nhiệt huyết và đầy sức sống thể hiện thông qua các tiết mục văn nghệ độc đáo của Hội thi “Phụ nữ Nhơn Trạch 2 với văn hóa Dầu khí” mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Từ phần thi chào hỏi, năng khiếu và kiến thức đều là công sức, tâm huyết của mỗi phòng/ban, ai ai cũng hào hứng, mong chờ sự kiện văn hóa để thể hiện tài năng, giao lưu, học hỏi. Bên cạnh đó, những phần thi múa, hát, nấu ăn...trong các dịp lễ được CBCNV NT2 nhiệt tình hưởng ứng. Hoạt động văn hóa NT2 là những giây phút bên nhau, những khoảnh khắc được cháy hết mình, được sống trong không khí nồng ấm đầy màu cờ sắc áo NT2.

Bên cạnh đó, sự quan tâm, hỗ trợ và các chế độ thăm hỏi, ốm đau...được Công ty và công đoàn đặc biệt quan tâm, kịp thời động viên CBCNV hoạn nạn, khó khăn.

Mỗi hoạt động, mỗi phong trào đều thể hiện những nét văn hóa riêng của NT2, là sự động viên của lãnh đạo Công ty, khuyến khích mỗi CBCNV nỗ lực phấn đấu vì một NT2 phát triển bền vững.

**ĐỊNH HƯỚNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ**



**BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quan hệ nhà đầu tư khi chuyển niêm yết cổ phiếu NT2 sang sàn HoSE, NT2 đã thành lập Phòng Sự kiện và Quan hệ cổ đông, đáp ứng các yêu cầu cổ đông, thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đây là một điểm cải tiến trong cơ cấu nhân sự, tổ chức của NT2 trong năm 2015:



*Quan hệ nhà đầu tư là một công cụ quan trọng của mỗi doanh nghiệp, tạo thông tin hai chiều, kết nối nhà đầu tư và doanh nghiệp. NT2 chú trọng công tác quan hệ nhà đầu tư, giúp nhà đầu tư nắm bắt giá trị của Công ty một cách đầy đủ và trung thực nhất.*

**CỦNG CỐ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ**



**NÂNG CAO GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU NT2**

**2007 - 2014: Kết nối thông tin**

Vốn điều lệ 2.560.000.000.000 đồng

Công cụ: Báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm...

Đã có website Công ty

Đưa tin các sự kiện Công ty

**2014-2015: Nâng cao giá trị thương hiệu NT2**

Tăng vốn điều lệ lên: 2.739.198.430.000 đồng

Công cụ: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính (Năm, bán niên, quý), Báo cáo quản trị...

Nâng cấp website Công ty chuyên nghiệp

Cập nhật thông tin nhanh chóng, minh bạch, chủ động sự kiện, tin tức, thông tin cổ đông...

Thông báo hoạt động SXKD hàng tháng

Tổ chức các cuộc họp, hội thảo gặp gỡ nhà đầu tư

Mở rộng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong và ngoài nước

Xử lý khủng hoảng thông tin (nếu có)

Kể từ khi thành lập đến nay, NT2 không ngừng nỗ lực để nâng cao lợi ích cho khách hàng, cán bộ công nhân viên cũng như cổ đông của Công ty. Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, NT2 luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An toàn, Sức khỏe và Bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường. Cụ thể hàng năm NT2 luôn có chính sách chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, trang bị đầy đủ các biện pháp an toàn trong sản xuất và hướng tới một môi trường thân thiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ luật pháp của Việt Nam và quốc tế.

NT2 luôn xem công tác An toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Do đó Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

Ngày 24/1/2014, NT2 ban hành chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường với mục đích đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và bảo vệ môi trường được ưu tiên hàng đầu, sản xuất kinh doanh luôn song hành với trách nhiệm cộng đồng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh.

### CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012. Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.

Định kỳ hàng năm NT2 thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh theo quy định của Pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (ĐTM).

Trong năm 2015, Lãnh đạo NT2 đã cho triển khai áp dụng phương pháp 5S vào tất cả các phòng ban của NT2 với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, thoải mái và an toàn sức khỏe cho CBCNV Công ty. Đồng thời NT2 tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và hưởng ứng chương trình “Giờ trái đất” tại khu nhà công vụ Công ty.



Hàng năm NT2 đều trang bị và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt hút và thông gió, đảm bảo hệ thống ánh sáng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường làm việc tốt cho CBCNV. Việc trang bị BHLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của luật lao động. Đồng thời tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải độc hại.

*Với những nỗ lực đã đạt được trong công tác ATSKMT, NT2 đã được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 ngày 20/10/2014.*

### CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ ỨNG CỨU KHẨN CẤP

Với tiêu chí “An toàn để sản xuất – Sản xuất phải an toàn”, NT2 luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong vấn đề đảm bảo an toàn, PCCC trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong suốt những năm qua, NT2 luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị lao động, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác ATVSLĐ, PCCC và cứu nạn cứu hộ cho 100% CBCNV Công ty giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

Điều kiện làm việc và an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng mà Lãnh đạo Công ty đặc biệt chú ý quan tâm vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo điều kiện làm việc và an toàn lao động là hai vấn đề có mối quan hệ khăng khít. Một trong những nhân tố liên quan đến an toàn lao động là do điều kiện làm việc chưa được đảm bảo và sự thiếu hiểu biết của mỗi cán bộ công nhân viên.

Công ty đã phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập PCCC và CNCH trên sông cho CBCNV theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp của Công ty đã được chấp thuận tại quyết định số 133/QĐ-ATMT ngày 06/10/2011 của Bộ Công thương.

Tháng 6/2015, NT2 phối hợp với cảnh sát PCCC huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có phối hợp nhiều lực lượng.

Ngày 04/12/2015, NT2 diễn tập Phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) tại Công ty. Công tác diễn tập phương án PCCC&CNCH nhằm chủ động phòng ngừa và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất về người và tài sản do cháy gây ra.

Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện PCCC như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, hệ thống chữa cháy tự động CO2, hệ thống chữa cháy tự động bằng Foam, tổ chức kiểm tra định kỳ thứ 6 hàng tuần đảm bảo các phương tiện PCCC trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu nạn cứu hộ của Công ty nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Trong năm 2015, NT2 không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác an toàn vận hành Nhà máy.

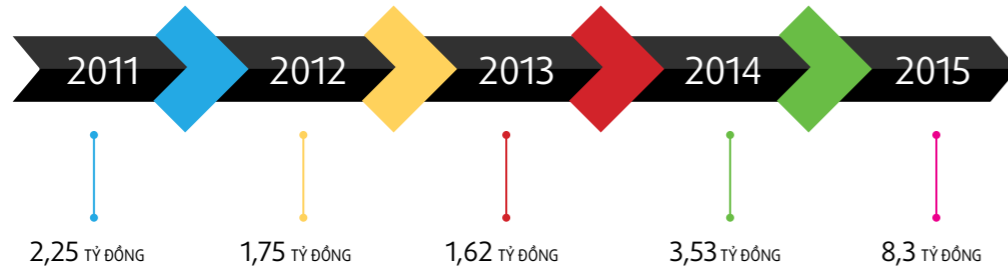
### CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của OHSAS 18001-2007&ISO 14001-2010, NT2 luôn nghiêm túc thực hiện và duy trì các hoạt động sau:

- Trang bị phòng y tế với cán bộ chuyên trách và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Công ty.
- Hỗ trợ phụ cấp chữa bệnh, thai sản... cho người lao động.
- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín về chất lượng sản phẩm.



*Kinh phí thực hiện An sinh xã hội hàng năm*



Trong những năm qua, công tác An sinh xã hội luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm thực hiện thường xuyên và được toàn thể CBCNV hưởng ứng tích cực.

**NT2 đã thực hiện tốt nhiều chương trình An sinh xã hội quan trọng:**

- Năm 2011: Tài trợ 500 triệu đồng xây nhà sinh hoạt cộng đồng tránh lũ tại xã Vĩnh Chấn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị;
- Năm 2012: Tài trợ 01 tỷ đồng xây dựng Trường Tiểu học xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;
- Năm 2013: Tài trợ 01 tỷ đồng xây nhà bán trú cho học sinh Trường Tiểu học Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi;
- Năm 2014: Tài trợ 800 triệu đồng xây nhà bán trú cho học sinh Trường Tiểu học xã Đăk Nền huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum ;
- Xây dựng Nhà trẻ tại Khu chung cư Long Thọ - Phước An nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc giáo dục con em CBCNV của Công ty và các đơn vị trong ngành trên địa bàn yên tâm công tác ổn định cuộc sống phục vụ lâu dài cho Công ty với số tiền gần 580 triệu đồng.



**Năm 2015, NT2 tích cực triển khai các chương trình An sinh xã hội cụ thể như:**

- Tài trợ 5 tỷ đồng cho Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo Tây Nam Bộ để xây dựng nhà tình thương cho bệnh nhân nghèo, người nghèo, nhà nghĩa tình đồng đội cho cán bộ chiến sỹ, thương bệnh binh nghèo có hoàn cảnh khó khăn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2015;
- Tài trợ phòng máy vi tính cho Trường THPT Nguyễn Phích, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau số tiền 160 triệu đồng năm 2015;
- Tài trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho hộ nghèo xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai số tiền 50 triệu đồng năm 2015;
- Tài trợ cải tạo sân Trường Tiểu học Phước An, ấp Vũng Gấm, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với số tiền 207 triệu đồng; tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các hộ dân nghèo tại các xã trên địa bàn huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai nhân dịp tết Bính Thân 2016...
- Góp phần giúp đỡ các địa phương khắc phục đời sống khó khăn và phát triển giáo dục, hàng năm Công ty làm thêm 4 ngày thứ 7 để ủng hộ Quỹ Vì thế hệ trẻ, Quỹ tương trợ Dầu khí, Quỹ Nghĩa tình Đồng đội, ủng hộ đồng bào thiên tai lũ lụt...

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 7

- Báo cáo của Ban Giám Đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính





Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

|                           |   |
|---------------------------|---|
| Ông Ưông Ngọc Hải         | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)     |
| Ông Lê Tự Hiếu            | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)   |
| Ông Hoàng Xuân Quốc       | Thành viên  |
| Ông Lương Ngọc Anh        | Thành viên  |
| Ông Phạm Cương            | Thành viên ((bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015)  |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn      | Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2015) |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Thành viên  |

#### Ban Giám đốc

|                      |   |
|----------------------|---|
| Ông Hoàng Xuân Quốc  | Giám đốc  |
| Ông Ngô Đức Nhân     | Phó Giám đốc                                      |
| Ông Trần Quang Thiên | Phó Giám đốc                                      |
| Ông Trần Quang Mẫn   | Phó Giám đốc                                      |
| Ông Nguyễn Ngọc Hải  | Phó Giám đốc                                      |
| Ông Trịnh Việt Thắng | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2015) |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Số:228/VN1A-HC-BC

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05 tháng 02 năm 2016 từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Chí Nguyễn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0049-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Lê Trang  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
2383-2013-001-1

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2015                | 31/12/2014                |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>2.980.677.860.169</b>  | <b>2.768.010.209.671</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>1.108.501.344.977</b>  | <b>726.126.885.017</b>    |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 108.501.344.977           | 186.126.885.017           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 1.000.000.000.000         | 540.000.000.000           |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>1.576.123.809.496</b>  | <b>1.766.525.503.825</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 1.421.490.243.475         | 1.592.220.067.017         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 147.020.019.418           | 164.906.169.696           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 7           | 42.952.025.978            | 43.203.152.894            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 8           | (35.338.479.375)          | (33.803.885.782)          |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> |             | <b>287.993.190.464</b>    | <b>275.347.492.286</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        | 9           | 287.993.190.464           | 275.347.492.286           |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |             | <b>8.059.515.232</b>      | <b>10.328.543</b>         |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 14          | 8.049.669.484             | -                         |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 9.845.748                 | 10.328.543                |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>8.663.994.166.651</b>  | <b>9.715.538.767.888</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>367.755.862.894</b>    | <b>532.242.417.841</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng           | 211        | 6           | 328.973.109.894           | 493.459.664.841           |
| 2. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 7           | 38.782.753.000            | 38.782.753.000            |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>7.617.942.026.184</b>  | <b>8.305.931.981.670</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 10          | 7.588.706.105.493         | 8.275.788.620.334         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 11.295.755.880.632        | 11.294.005.678.629        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (3.707.049.775.139)       | (3.018.217.058.295)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 11          | 29.235.920.691            | 30.143.361.336            |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 30.823.217.421            | 30.198.260.921            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (1.587.296.730)           | (54.899.585)              |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |             | <b>5.694.983.454</b>      | <b>304.606.500</b>        |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 12          | 5.694.983.454             | 304.606.500               |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> |             | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        | 13          | 11.140.000.000            | 11.140.000.000            |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |             | (11.140.000.000)          | (11.140.000.000)          |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>672.601.294.119</b>    | <b>877.059.761.877</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 14          | 671.669.974.785           | 877.059.761.877           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        | 15          | 931.319.334               | -                         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>       | <b>270</b> |             | <b>11.644.672.026.820</b> | <b>12.483.548.977.559</b> |

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2015                | 31/12/2014                |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>6.876.213.880.783</b>  | <b>8.236.865.216.747</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>2.023.085.133.370</b>  | <b>2.376.611.799.114</b>  |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn                            | 311        | 16          | 610.604.963.934           | 810.266.679.604           |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 17          | 141.527.642.896           | 205.117.531.409           |
| 3. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 30.078.428.592            | 22.367.282.634            |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 18          | 118.285.481.506           | 114.999.951.807           |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 19          | 48.265.419.152            | 169.237.057.523           |
| 6. Vay ngắn hạn   | 320        | 20          | 1.053.664.813.698         | 1.051.902.984.892         |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 20.658.383.592            | 2.720.311.245             |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>4.853.128.747.413</b>  | <b>5.860.253.417.633</b>  |
| 1. Vay dài hạn  | 338        | 20          | 4.811.731.814.220         | 5.855.706.484.440         |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 343        |             | 41.396.933.193            | 4.546.933.193             |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>4.768.458.146.037</b>  | <b>4.246.683.760.812</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>21</b>   | <b>4.768.458.146.037</b>  | <b>4.246.683.760.812</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 2.739.198.430.000         | 2.560.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 2.739.198.430.000         | 2.560.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | (113.000.000)             | -                         |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                                    | 414        |             | -                         | 169.237.381.136           |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 79.801.049.931            | 20.850.842.750            |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 1.949.571.666.106         | 1.496.595.536.926         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 1.074.471.803.522         | 33.632.300.326            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 875.099.862.584           | 1.462.963.236.600         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>11.644.672.026.820</b> | <b>12.483.548.977.559</b> |



Lê Việt An  
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh  
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 89 đến trang 113 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Các thuyết minh từ trang 89 đến trang 113 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | 2015                     | 2014                     |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng</b>  | <b>01</b> |             | <b>6.729.438.340.659</b> | <b>7.064.916.896.183</b> |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)                                    | 10        | 24          | 6.729.438.340.659        | 7.064.916.896.183        |
| 3. Giá vốn hàng bán   | 11        |             | 5.087.664.858.289        | 5.413.263.603.599        |
| <b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)</b>                            | <b>20</b> |             | <b>1.641.773.482.370</b> | <b>1.651.653.292.584</b> |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 26          | 65.035.085.646           | 450.491.826.918          |
| 6. Chi phí tài chính  | 22        | 27          | 359.437.861.454          | 437.192.587.233          |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23        |             | 183.332.784.973          | 219.382.885.672          |
| 7. Chi phí bán hàng   | 25        | 28          | 101.884.233              | 220.921.866              |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 28          | 146.225.472.119          | 74.703.817.112           |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>1.201.043.350.210</b> | <b>1.590.027.793.291</b> |
| 10. Thu nhập khác   | 31        |             | 1.303.397.080            | 1.957.163.967            |
| 11. Chi phí khác  | 32        |             | 537.006.831              | 1.021.720.658            |
| <b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                      | <b>40</b> |             | <b>766.390.249</b>       | <b>935.443.309</b>       |
| <b>13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>                                | <b>50</b> |             | <b>1.201.809.740.459</b> | <b>1.590.963.236.600</b> |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                          | 51        | 29          | 61.113.338.509           | -                        |
| 15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                          | 52        | 15          | (931.319.334)            | -                        |
| <b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>         | <b>60</b> |             | <b>1.141.627.721.284</b> | <b>1.590.963.236.600</b> |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 70        | 30          | 4.095                    | 5.735                    |

Lê Việt An  
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh  
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 89 đến trang 113 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | 2015                     | 2014                     |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>   |           |                          |                          |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>01</b> | <b>1.201.809.740.459</b> | <b>1.590.963.236.600</b> |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định  | 02        | 691.852.622.322          | 838.694.238.760          |
| Các khoản dự phòng  | 03        | 1.534.593.593            | 9.862.843.446            |
| Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | 9.690.448.915            | (403.709.545.794)        |
| Lãi từ hoạt động đầu tư   | 05        | (38.075.306.380)         | (25.626.821.679)         |
| Chi phí lãi vay   | 06        | 183.332.784.973          | 219.382.885.672          |
| Các khoản điều chỉnh khác   | 07        | 37.000.000.000           |                          |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                   | <b>08</b> | <b>2.087.144.883.882</b> | <b>2.229.566.837.005</b> |
| Giảm/(Tăng) các khoản phải thu  | 09        | 353.105.408.261          | (819.743.571.508)        |
| Tăng hàng tồn kho   | 10        | (12.645.698.178)         | (54.033.434.370)         |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả  | 11        | (301.490.370.277)        | 250.937.261.253          |
| Giảm chi phí trả trước  | 12        | 197.340.117.608          | 147.700.655.257          |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14        | (173.788.568.154)        | (221.327.916.244)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | (35.607.059.592)         | -                        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17        | (22.710.641.058)         | (4.768.038.182)          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>20</b> | <b>2.091.348.072.492</b> | <b>1.528.331.793.211</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định   | 21        | (5.048.778.835)          | (8.152.835.279)          |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác              | 22        | 463.829.091              | 710.313.623              |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                           | 24        | -                        | 246.461.181.788          |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi  | 27        | 37.860.207.506           | 25.144.485.928           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>  | <b>30</b> | <b>33.275.257.762</b>    | <b>264.163.146.060</b>   |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ đi vay   | 33        | -                        | 163.619.754.337          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay  | 34        | (1.043.394.610.429)      | (1.287.234.522.288)      |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu  | 36        | (698.853.979.305)        | -                        |

Các thuyết minh từ trang 89 đến trang 113 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

|   |           |                          |                        |
|---|-----------|--------------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            | 40        | (1.742.248.589.734)      | (1.123.614.767.951)    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)           | 50        | 382.374.740.520          | 668.880.171.320        |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                        | 60        | 726.126.885.017          | 57.246.674.887         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        | (280.560)                | 38.810                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>  | <b>70</b> | <b>1.108.501.344.977</b> | <b>726.126.885.017</b> |



**Lê Việt An**  
Người lập biểu



**Nguyễn Hữu Minh**  
Kế toán trưởng



**Hoàng Xuân Quốc**  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

MẪU SỐ B 09-DN

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 183 người (31 tháng 12 năm 2014: 174 người).

### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

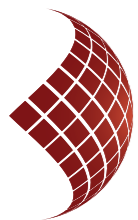
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các thuyết minh từ trang 89 đến trang 113 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

## 3.ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## 4.TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

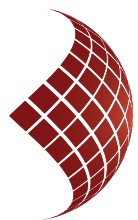
Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                          | 2015    |
|--------------------------|---------|
|                          | Số năm  |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 05 – 20 |
| Máy móc, thiết bị        | 05 – 14 |
| Phương tiện vận tải      | 06 – 10 |
| Thiết bị văn phòng       | 03 – 06 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



MẪU SỐ B 09-DN

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 2 và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 14.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

## Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCDN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức cho các cổ đông.

## Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## Thuế

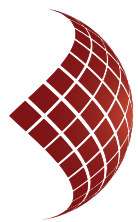
Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | 31/12/2015<br>VND        | 31/12/2014<br>VND      |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tiền mặt                        | 15.427.761               | 104.330.554            |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 108.485.917.216          | 186.022.554.463        |
| Các khoản tương đương tiền      | 1.000.000.000.000        | 540.000.000.000        |
| <b>Tổng</b>                     | <b>1.108.501.344.977</b> | <b>726.126.885.017</b> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 4,5% đến 5%/năm (năm 2014: từ 4,6% đến 5%/năm). Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn theo nhu cầu của Công ty tại ngày đáo hạn.

### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

|  | 31/12/2015<br>VND        | 31/12/2014<br>VND        |
|--|--------------------------|--------------------------|
| a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng      |                          |                          |
| - Công ty Mua bán Điện (EPTC)            | 1.421.455.631.186        | 1.592.184.154.215        |
| - Các khoản phải thu của khách hàng khác | 34.612.289               | 35.912.802               |
| <b>Tổng</b>                              | <b>1.421.490.243.475</b> | <b>1.592.220.067.017</b> |
| b. Phải thu dài hạn của khách hàng       |                          |                          |
| - Công ty Mua bán Điện (EPTC)            | 328.973.109.894          | 493.459.664.841          |
| <b>Tổng</b>                              | <b>328.973.109.894</b>   | <b>493.459.664.841</b>   |

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 chưa xuất hóa đơn (1.257 tỷ đồng) được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và khoản tiền điện bổ sung theo giá bán điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng (164,5 tỷ đồng).

Khoản phải thu dài hạn của khách hàng thể hiện khoản tiền điện bổ sung theo giá điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi trên 12 tháng.

### 7. KHOẢN PHẢI THU KHÁC

|  | 31/12/2015<br>VND     | 31/12/2014<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn  |                       |                       |
| - Lãi trả chậm dư thu Công ty Mua bán Điện (EPTC)(*) | 42.153.554.457        | 42.153.554.457        |
| - Lãi dự thu   | 620.472.220           | 869.202.437           |
| - Tạm ứng cho nhân viên                              | 136.000.000           | 140.396.000           |
| - Ký cược, ký quỹ                                    | 10.000.000            | 10.000.000            |
| - Phải thu khác                                      | 31.999.301            | 30.000.000            |
| <b>Tổng</b>  | <b>42.952.025.978</b> | <b>43.203.152.894</b> |
| b. Dài hạn   |                       |                       |
| - Tiền đền bù giải phóng mặt bằng                    | 38.782.753.000        | 38.782.753.000        |
| <b>Tổng</b>  | <b>38.782.753.000</b> | <b>38.782.753.000</b> |

(\*) Phải thu khác ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản lãi trả chậm dư thu của Công ty Mua bán Điện (EPTC), được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Phải thu khác dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tại ngày của báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

### 8. NỢ QUÁ HẠN

|                             | 31/12/2015            |                        | 31/12/2014            |                        |
|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                             | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Mua bán điện (EPTC) | 42.153.554.457        | 6.815.075.082          | 42.153.554.457        | 8.349.668.675          |
|                             | <b>42.153.554.457</b> | <b>6.815.075.082</b>   | <b>42.153.554.457</b> | <b>8.349.668.675</b>   |

### 9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.



**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Nhà xưởng,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc,<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND | Tổng<br>VND               |
|-------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                                    |                             |                               |                              |                           |
| Tại ngày 01/01/2015           | 2.971.126.226.943                  | 8.287.745.659.419           | 28.706.600.680                | 6.427.191.587                | 11.294.005.678.629        |
| Tăng trong năm                | 135.812.195                        | 125.400.005                 | -                             | 3.003.262.090                | 3.264.474.290             |
| Giảm do thanh lý              | -                                  | -                           | (1.514.272.287)               | -                            | (1.514.272.287)           |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>    | <b>2.971.262.039.138</b>           | <b>8.287.871.059.424</b>    | <b>27.192.328.393</b>         | <b>9.430.453.677</b>         | <b>11.295.755.880.632</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                                    |                             |                               |                              |                           |
| Tại ngày 01/01/2015           | 478.281.078.959                    | 2.522.537.030.102           | 14.800.999.931                | 2.597.949.303                | 3.018.217.058.295         |
| Khấu hao trong năm            | 148.697.447.797                    | 537.333.773.131             | 2.905.229.328                 | 1.410.538.875                | 690.346.989.131           |
| Giảm do thanh lý              | -                                  | -                           | (1.514.272.287)               | -                            | (1.514.272.287)           |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>    | <b>626.978.526.756</b>             | <b>3.059.870.803.233</b>    | <b>16.191.956.972</b>         | <b>4.008.488.178</b>         | <b>3.707.049.775.139</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                                    |                             |                               |                              |                           |
| Tại ngày 31/12/2015           | 2.344.283.512.382                  | 5.228.000.256.191           | 11.000.371.421                | 5.421.965.499                | 7.588.706.105.493         |
| Tại ngày 31/12/2014           | 2.492.845.147.984                  | 5.765.208.629.317           | 13.905.600.749                | 3.829.242.284                | 8.275.788.620.334         |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.421.444.296 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 4.467.252.377 đồng).

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|   | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>VND      | Tổng<br>VND           |
|---|--------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                         |                          |                      |                       |
| Tại ngày 01/01/2015                       | 21.602.554.546           | 8.595.706.375        | 30.198.260.921        |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | -                        | 624.956.500          | 624.956.500           |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>                | <b>21.602.554.546</b>    | <b>9.220.662.875</b> | <b>30.823.217.421</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>             |                          |                      |                       |
| Tại ngày 01/01/2015                       | -                        | 54.899.585           | 54.899.585            |
| Khấu hao trong năm                        | -                        | 1.532.397.145        | 1.532.397.145         |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>                | <b>-</b>                 | <b>1.587.296.730</b> | <b>1.587.296.730</b>  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                    |                          |                      |                       |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>                | <b>21.602.554.546</b>    | <b>7.633.366.145</b> | <b>29.235.920.691</b> |
| <b>Tại ngày 31/12/2014</b>                | <b>21.602.554.546</b>    | <b>8.540.806.790</b> | <b>30.143.361.336</b> |

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán SAP và website công ty.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

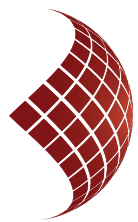
|   | 31/12/2015<br>VND    | 31/12/2014<br>VND  |
|---|----------------------|--------------------|
| Mua sắm xe ô tô                               | 2.201.818.181        | -                  |
| Tài sản phục vụ nghiên cứu khoa học công nghệ | 3.493.165.273        | -                  |
| Phần mềm kế toán                              | -                    | 304.606.500        |
|   | <b>5.694.983.454</b> | <b>304.606.500</b> |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 310.962.184.153 đồng và cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco là 80.000.000.000 đồng. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

### 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|   | 31/12/2015<br>VND      | 31/12/2014<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| a. Ngắn hạn   |                        |                        |
| Phí bảo hiểm nhà máy  | 8.049.669.484          | -                      |
| <b>Tổng</b>   | <b>8.049.669.484</b>   | <b>-</b>               |
| b. Dài hạn  |                        |                        |
| Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng                                     | 380.148.837.329        | 441.548.675.121        |
| Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị | 242.481.734.966        | 276.363.551.871        |
| Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ                           | 41.860.145.380         | 72.899.890.233         |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế                                   | -                      | 66.380.869.389         |
| Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc           | -                      | 11.700.012.206         |
| Chi phí khác  | 7.179.257.110          | 8.166.763.057          |
| <b>Tổng</b>   | <b>671.669.974.785</b> | <b>877.059.761.877</b> |

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.

- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ (EOH). Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

- Chi phí trung tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 25.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc trung tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo. Ngày 15 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành công tác trung tu mở rộng, theo đó giá trị trung tu sẽ được phân bổ dựa vào số giờ thực tế chạy EOH từ khi kết thúc quá trình trung tu của nhà máy.

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (xem Thuyết minh số 26) trong thời gian không quá năm năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 01 tháng 3 năm 2012 bởi Cục thuế Tỉnh Đồng Nai. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế này đã phân bổ hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các khoản lãi vay liên quan đến công tác thanh toán Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Các khoản lãi vay phát sinh trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản lãi vay này đã phân bổ hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

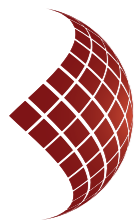
|  | 31/12/2015<br>VND  | 31/12/2014<br>VND |
|--|--------------------|-------------------|
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại       | 5%                 | 5%                |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 931.319.334        | -                 |
| <b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>  | <b>931.319.334</b> | <b>-</b>          |

### 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|  | 31/12/2015             |                        | 31/12/2014             |                        |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| a. Phải trả người bán là các bên liên quan   |                        |                        |                        |                        |
| - Tổng Công ty Khí Việt Nam  | 559.158.374.502        | 559.158.374.502        | 776.373.697.796        | 776.373.697.796        |
| - Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt nam   | 38.809.164.052         | 38.809.164.052         | 27.386.855.113         | 27.386.855.113         |
| - Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam   | 454.403.426            | 454.403.426            | 454.403.426            | 454.403.426            |
| - Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí   | 1.140.250.000          | 1.140.250.000          | 1.140.250.000          | 1.140.250.000          |
| - Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam-Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí | -                      | -                      | 222.181.661            | 222.181.661            |
| - Công ty Cổ phần PVI  | 75.000.000             | 75.000.000             | -                      | -                      |
| - Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí   | 455.697.900            | 455.697.900            | 319.788.000            | 319.788.000            |
| - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch  | -                      | -                      | 95.778.900             | 95.778.900             |
| <b>Tổng</b>  | <b>600.092.889.880</b> | <b>600.092.889.880</b> | <b>805.992.954.896</b> | <b>805.992.954.896</b> |
| b. Phải trả người bán là bên thứ ba  |                        |                        |                        |                        |
| Các đối tượng khác   | 10.512.074.054         | 10.512.074.054         | 4.273.724.708          | 4.273.724.708          |
| <b>Tổng</b>  | <b>10.512.074.054</b>  | <b>10.512.074.054</b>  | <b>4.273.724.708</b>   | <b>4.273.724.708</b>   |

### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                            | 01/01/2015<br>VND      | Số phải nộp trong năm<br>VND | Số đã thực nộp trong năm<br>VND | 31/12/2015<br>VND      |
|----------------------------|------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Các khoản phải trả</b>  |                        |                              |                                 |                        |
| Thuế giá trị gia tăng      | 201.310.860.413        | 220.114.051.818              | 309.250.477.802                 | 112.174.434.429        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                      | 61.113.338.509               | 35.607.059.592                  | 25.506.278.917         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 251.871.129            | 9.589.528.780                | 9.599.623.290                   | 241.776.619            |
| Thuế tài nguyên            | 3.554.243.006          | 39.364.881.580               | 39.314.366.556                  | 3.604.758.030          |
| Các loại thuế khác         | 556.861                | 2.794.502.612                | 2.794.664.572                   | 394.901                |
| <b>Tổng</b>                | <b>205.117.531.409</b> | <b>332.976.303.299</b>       | <b>396.566.191.812</b>          | <b>141.527.642.896</b> |



MẪU SỐ B 09-DN

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                     | 31/12/2015             | 31/12/2014             |
|---------------------|------------------------|------------------------|
|                     | VND                    | VND                    |
| Chi phí bảo trì     | 96.011.933.374         | 89.648.927.883         |
| Lãi vay trích trước | 11.549.037.820         | 13.214.003.762         |
| Khác                | 10.724.510.312         | 12.137.020.162         |
|                     | <b>118.285.481.506</b> | <b>114.999.951.807</b> |

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH.

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

|                              | 31/12/2015            | 31/12/2014             |
|------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                              | VND                   | VND                    |
| Lãi chậm thanh toán phải trả | 39.278.284.374        | 39.278.284.374         |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam    |                       |                        |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả   | 8.473.879.395         | 128.000.000.000        |
| Phải trả khác                | 513.255.383           | 1.958.773.149          |
|                              | <b>48.265.419.152</b> | <b>169.237.057.523</b> |

## 20. VAY

|  | Vay dài hạn đến hạn phải trả | Các khoản vay dài hạn |
|--|------------------------------|-----------------------|
|  | VND                          | VND                   |
| <b>Tại ngày 31/12/2014</b>                           |                              |                       |
| - Giá trị  | 1.051.902.984.892            | 5.855.706.484.440     |
| - Số có khả năng trả nợ                              | 1.051.902.984.892            | 5.855.706.484.440     |
| Trong năm  |                              |                       |
| - Tăng   | 1.044.121.928.218            | -                     |
| + Chuyển từ các khoản vay dài hạn                    | 1.044.121.928.218            | -                     |
| - Giảm   | 1.042.360.099.412            | 1.043.974.670.220     |
| + Chuyển sang các khoản vay dài hạn đến hạn phải trả | -                            | 1.044.121.928.218     |
| + Thanh toán trong năm                               | 1.043.394.610.429            | -                     |
| + Chênh lệch tỷ giá hối đoái                         | (1.034.511.017)              | (147.257.998)         |
| <b>Tại ngày 31/12/2015</b>                           |                              |                       |
| - Giá trị  | 1.053.664.813.698            | 4.811.731.814.220     |
| - Số có khả năng trả nợ                              | 1.053.664.813.698            | 4.811.731.814.220     |

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo đối tượng như sau:

|  | 31/12/2015               | 31/12/2014               |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | VND                      | VND                      |
| HERMES, CIRR, NEXI và Citibank   | 5.537.609.887.691        | 6.532.996.051.929        |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng<br>- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 200.526.931.298          | 229.173.635.770          |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh<br>- Chi nhánh Cộng Hòa        | 127.259.808.929          | 145.439.781.633          |
|  | <b>5.865.396.627.918</b> | <b>6.907.609.469.332</b> |

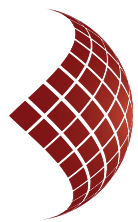
Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 123.622.299,57 đô la Mỹ và 112.944.730,03 euro (31 tháng 12 năm 2014: 146.099.081,31 đô la Mỹ và 133.480.135,49 euro).

Trong năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 286.467.044.714 đồng với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Hợp đồng vay này để tái tài trợ và thay thế hợp đồng hạn mức 600 tỷ đồng số 02/2011/HĐTD-THD được ký ngày 31 tháng 3 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thành phố Hà Nội. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 200.526.931.298 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 229.173.635.770 đồng).

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa với số tiền vay là 163.619.754.337 đồng cho mục đích tái tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (tái tài trợ và thay thế hợp đồng hạn mức 200 tỷ đồng số 01/2011/HĐTD-THD được ký ngày 20 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Thành phố Hà Nội). Thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 18 kỳ. Lần trả nợ gốc đầu tiên của khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2014. Khoản vay này không có đảm bảo và lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ do ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 3 tháng/lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 127.259.808.929 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 145.439.781.633 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|                                      | 31/12/2015               | 31/12/2014               |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                      | VND                      | VND                      |
| Trong vòng một năm                   | 1.053.664.813.698        | 1.051.902.984.892        |
| Trong năm thứ hai                    | 1.053.664.813.698        | 1.051.902.984.892        |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm        | 3.160.994.441.094        | 3.155.708.830.905        |
| Sau năm năm                          | 597.072.559.428          | 1.648.094.668.643        |
|                                      | <b>5.865.396.627.918</b> | <b>6.907.609.469.332</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | (1.053.664.813.698)      | (1.051.902.984.892)      |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>      | <b>4.811.731.814.220</b> | <b>5.855.706.484.440</b> |



MẪU SỐ B 09-DN

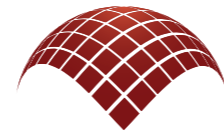
**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

|  | 31/12/2015  | 31/12/2014  |
|--|-------------|-------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |             |             |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 273.919.843 | 256.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |             |             |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 273.919.843 | 256.000.000 |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|  | 31/12/2015               |             | 31/12/2014               |             |
|--|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
|  | VND                      | %           | VND                      | %           |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam               | 1.643.520.000.000        | 60,00%      | 1.607.661.500.000        | 62,80%      |
| Công ty TNHH Phát triển Công Nghệ                    | 228.808.800.000          | 8,35%       | 213.840.000.000          | 8,35%       |
| Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam               | -                        | 0,00%       | 128.000.000.000          | 5,00%       |
| Tổng Công ty Điện lực - Vinacomín                    | -                        | 0,00%       | 128.000.000.000          | 5,00%       |
| Công ty ElectricPower Development (J-Power-Nhật Bản) | -                        | 0,00%       | 128.000.000.000          | 5,00%       |
| Các cổ đông khác                                     | 866.869.630.000          | 31,65%      | 354.498.500.000          | 13,85%      |
|  | <b>2.739.198.430.000</b> | <b>100%</b> | <b>2.560.000.000.000</b> | <b>100%</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

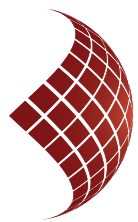
|                                  | VND                      | VND                  | VND                    | VND                   | VND                      | VND                      | VND | Tổng VND |
|----------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-----|----------|
| Số dư tại ngày 01/01/2014        | 2.560.000.000.000        | -                    | 169.237.381.136        | 20.439.881.905        | 37.998.393.675           | 2.787.675.656.716        |     |          |
| Phân phối từ lợi nhuận           | -                        | -                    | -                      | 410.960.845           | (4.366.093.349)          | (3.955.132.504)          |     |          |
| Lợi nhuận trong năm              | -                        | -                    | -                      | -                     | 1.590.963.236.600        | 1.590.963.236.600        |     |          |
| Chi trả cổ tức                   | -                        | -                    | -                      | -                     | (128.000.000.000)        | (128.000.000.000)        |     |          |
| <b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b> | <b>2.560.000.000.000</b> | <b>-</b>             | <b>169.237.381.136</b> | <b>20.850.842.750</b> | <b>1.496.595.536.926</b> | <b>4.246.683.760.812</b> |     |          |
| Tăng vốn trong năm               | 179.198.430.000          | -                    | (169.237.381.136)      | -                     | (9.961.048.864)          | -                        |     |          |
| Phân phối từ lợi nhuận           | -                        | -                    | -                      | 59.362.684.540        | (99.362.684.540)         | (40.000.000.000)         |     |          |
| Lợi nhuận trong năm              | -                        | -                    | -                      | -                     | 1.141.627.721.284        | 1.141.627.721.284        |     |          |
| Chi trả cổ tức                   | -                        | -                    | -                      | -                     | (579.327.858.700)        | (579.327.858.700)        |     |          |
| Giảm khác                        | -                        | (113.000.000)        | -                      | (412.477.359)         | -                        | (525.477.359)            |     |          |
| <b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b> | <b>2.739.198.430.000</b> | <b>(113.000.000)</b> | <b>-</b>               | <b>79.801.049.931</b> | <b>1.949.571.666.106</b> | <b>4.768.458.146.037</b> |     |          |

Theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2015, Công ty đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 59.362.684.540 đồng (năm 2014: 401.960.845 đồng), Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 20.000.000.000 đồng (năm 2014: 3.955.132.504 đồng) và chia cổ tức còn lại 13% mệnh giá, tương đương 332.800.000.000 đồng (năm 2014 đã tạm ứng 5% mệnh giá, tương đương 128.000.000.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014.

Theo Nghị quyết số 18/NQ-CPNT2 ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 9% mệnh giá, tương đương 246.527.858.700 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015.

Theo Nghị quyết số 25/NQ-CPNT2 ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 20.000.000.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 17.919.843 cổ phần, tăng vốn góp của chủ sở hữu từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo Quyết định số 405/QĐ-SGDHCM ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, việc thay đổi niêm yết này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2015.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

### 22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

|          | Đơn vị | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|----------|--------|------------|------------|
| Đô la Mỹ | USD    | 270,28     | 300,50     |
| Euro     | EUR    | 7,96       | 16,77      |

### 23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 và giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo giá bán điện chính thức đã được quy định trong Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 ngày 05 tháng 3 năm 2015 cho Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa xuất hóa đơn, được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận sau khi tỷ giá được xác định chắc chắn.

### 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                  | 2015                     | 2014                     |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                  | VND                      | VND                      |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.873.129.578.133        | 4.041.185.155.330        |
| Chi phí nhân công                | 77.492.958.360           | 70.075.846.230           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 691.852.622.322          | 838.694.238.760          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 495.279.139.848          | 486.729.522.831          |
| Chi phí khác bằng tiền           | 96.237.915.978           | 51.503.579.426           |
|                                  | <b>5.233.992.214.641</b> | <b>5.488.188.342.577</b> |

### 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                      | 2015                  | 2014                   |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                      | VND                   | VND                    |
| Lãi tiền gửi                         | 37.611.477.289        | 25.366.508.056         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 27.423.608.357        | 21.415.773.068         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | -                     | 403.709.545.794        |
|                                      | <b>65.035.085.646</b> | <b>450.491.826.918</b> |

### 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

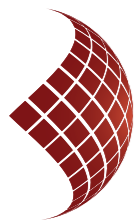
|  | 2015                   | 2014                   |
|--|------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND                    |
| Lãi tiền vay   | 183.332.784.973        | 219.382.885.672        |
| Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản | 66.380.869.389         | 126.424.719.937        |
| Phí bảo hiểm khoản vay                                       | 61.399.837.792         | 61.399.837.792         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                          | 9.689.887.795          | -                      |
| Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay                         | 16.260.487.508         | 19.818.165.842         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                            | 19.397.673.976         | 7.038.932.028          |
| Khác   | 2.976.320.021          | 3.128.045.962          |
|  | <b>359.437.861.454</b> | <b>437.192.587.233</b> |

### 28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|  | 2015                   | 2014                  |
|--|------------------------|-----------------------|
|  | VND                    | VND                   |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm |                        |                       |
| - Chi phí nhân viên quản lý                                | 34.426.465.382         | 31.466.097.565        |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng                                | 3.987.643.164          | 3.352.691.468         |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định                         | 9.657.374.165          | 8.100.985.667         |
| - Thuế, phí và lệ phí                                      | 1.141.177.970          | 813.652.326           |
| - Chi phí dịch vụ ngoài                                    | 47.306.522.009         | 15.032.681.018        |
| - Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác                    | 49.706.289.429         | 15.937.709.068        |
|  | <b>146.225.472.119</b> | <b>74.703.817.112</b> |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm             |                        |                       |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                                | 101.884.233            | 220.921.866           |
|  | <b>101.884.233</b>     | <b>220.921.866</b>    |
| <b>Tổng</b>  | <b>146.327.356.352</b> | <b>74.924.738.978</b> |

### 29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

|   | 2015                  |                  |                       | 2014              |
|---|-----------------------|------------------|-----------------------|-------------------|
|   | Hoạt động chính       | Hoạt động khác   | Tổng                  | Tổng              |
|   | VND                   | VND              | VND                   | VND               |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 1.267.424.219.599     | (65.614.479.140) | 1.201.809.740.459     | 1.590.963.236.600 |
| Cộng: Các chi phí không được khấu trừ   | 20.457.310.276        | -                | 20.457.310.276        | 10.031.019.327    |
| Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế | 280.560               | -                | 280.560               | 38.810            |
| Thu nhập chịu thuế                      | 1.287.881.249.315     | (65.614.479.140) | 1.222.266.770.175     | 1.600.994.217.117 |
| Khấu trừ lỗ từ hoạt động khác           | (65.614.479.140)      | 65.614.479.140   | -                     | -                 |
| Thu nhập chịu thuế                      | 1.222.266.770.175     | -                | 1.222.266.770.175     | 1.600.994.217.117 |
| Thuế suất                               | 5%                    | 22%              |                       |                   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>       | <b>61.113.338.509</b> | <b>-</b>         | <b>61.113.338.509</b> | <b>-</b>          |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 22% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ năm Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm đầu tiên được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

|  | 2015<br>VND       | 2014<br>VND       |
|--|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận sau thuế   | 1.141.627.721.284 | 1.590.963.236.600 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi   | 20.000.000.000    | 20.000.000.000    |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                 | 1.121.627.721.284 | 1.570.963.236.600 |
| Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 273.919.843       | 273.919.843       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>4.095</b>      | <b>5.735</b>      |

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của năm trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm:

#### Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 17.919.843 cổ phần, tăng vốn góp của chủ sở hữu từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

|   | Số cổ phiếu bình quân gia<br>quyền |
|---|------------------------------------|
| Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 256.000.000                        |
| Ảnh hưởng của việc tăng thêm cổ phần từ lợi nhuận các năm trước             | 17.919.843                         |
| <b>Số đã điều chỉnh lại</b>   | <b>273.919.843</b>                 |

### 31. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|   | 31/12/2015<br>VND | 31/12/2014<br>VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Các khoản vay                             | 5.865.396.627.918 | 6.907.609.469.332 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền   | 1.108.501.344.977 | 726.126.885.017   |
| Nợ thuần                                  | 4.756.895.282.941 | 6.181.482.584.315 |
| Vốn chủ sở hữu                            | 4.768.458.146.037 | 4.246.683.760.812 |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b>1,00</b>       | <b>1,46</b>       |

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

#### Các loại công cụ tài chính

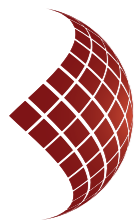
|  | Giá trị ghi sổ           |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | 31/12/2015<br>VND        | 31/12/2014<br>VND        |
| <b>Tài sản chính</b>                     |                          |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 1.108.501.344.977        | 726.126.885.017          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác     | 1.796.713.652.972        | 2.133.711.355.970        |
| Các khoản ký quỹ                         | 10.000.000               | 10.000.000               |
|  | <b>2.905.224.997.949</b> | <b>2.859.848.240.987</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>                 |                          |                          |
| Các khoản vay                            | 5.865.396.627.918        | 6.907.609.469.332        |
| Phải trả người bán hàng và phải trả khác | 658.706.074.481          | 979.295.159.591          |
| Chi phí phải trả                         | 118.285.481.506          | 114.999.951.807          |
|  | <b>6.642.388.183.905</b> | <b>8.001.904.580.730</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



MẪU SỐ B 09-DN

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

|     | Tài sản    |            | Công nợ           |                   |
|-----|------------|------------|-------------------|-------------------|
|     | 31/12/2015 | 31/12/2014 | 31/12/2015        | 31/12/2014        |
|     | VND        | VND        | VND               | VND               |
| USD | 6.067.785  | 6.424.690  | 2.775.320.625.347 | 3.123.598.358.408 |
| EUR | 194.678    | 428.345    | 2.762.289.262.344 | 3.409.397.693.521 |

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

|     | 2015                   | 2014                   |
|-----|------------------------|------------------------|
|     | VND                    | VND                    |
| USD | 83.259.436.727         | 93.707.758.012         |
| EUR | 82.868.672.030         | 102.281.917.955        |
|     | <b>166.128.108.757</b> | <b>195.989.675.967</b> |

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 110.752.197.754 đồng (năm 2014: 130.659.921.039 đồng).

*Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu*

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam phát sinh trong năm 2015. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

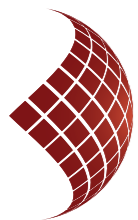
| 31/12/2015                           | Dưới 1 năm<br>VND        | Từ 1-5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 1.108.501.344.977        | -                      | 1.108.501.344.977        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.428.957.790.078        | 367.755.862.894        | 1.796.713.652.972        |
| Các khoản ký quỹ                     | 10.000.000               | -                      | 10.000.000               |
|                                      | <b>2.537.469.135.055</b> | <b>367.755.862.894</b> | <b>2.905.224.997.949</b> |

| 31/12/2015                          | Dưới 1 năm<br>VND        | Từ 1-5 năm<br>VND          | Tổng<br>VND                |
|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Các khoản vay                       | 1.053.664.813.698        | 4.811.731.814.220          | 5.865.396.627.918          |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 658.706.074.481          | -                          | 658.706.074.481            |
| Chi phí phải trả                    | 118.285.481.506          | -                          | 118.285.481.506            |
|                                     | <b>1.830.656.369.685</b> | <b>4.811.731.814.220</b>   | <b>6.642.388.183.905</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>706.812.765.370</b>   | <b>(4.443.975.951.326)</b> | <b>(3.737.163.185.956)</b> |

| 31/12/2014                           | Dưới 1 năm<br>VND        | Từ 1-5 năm<br>VND      | Tổng<br>VND              |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 726.126.885.017          | -                      | 726.126.885.017          |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.601.468.938.129        | 532.242.417.841        | 2.133.711.355.970        |
| Các khoản ký quỹ                     | 10.000.000               | -                      | 10.000.000               |
|                                      | <b>2.327.605.823.146</b> | <b>532.242.417.841</b> | <b>2.859.848.240.987</b> |

| 31/12/2014                          | Dưới 1 năm<br>VND        | Từ 1-5 năm<br>VND          | Tổng<br>VND                |
|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Các khoản vay                       | 1.051.902.984.892        | 5.855.706.484.440          | 6.907.609.469.332          |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 979.295.159.591          | -                          | 979.295.159.591            |
| Chi phí phải trả                    | 114.999.951.807          | -                          | 114.999.951.807            |
|                                     | <b>2.146.198.096.290</b> | <b>5.855.706.484.440</b>   | <b>8.001.904.580.730</b>   |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>181.407.726.856</b>   | <b>(5.323.464.066.599)</b> | <b>(5.142.056.339.743)</b> |

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



MẪU SỐ B 09-DN

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

| Bên liên quan   | Mối quan hệ       |
|---|-------------------|
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Cổ đông           |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam  | Công ty thuộc EVN |
| Công ty Mua Bán Điện (EPTC)   | Công ty thuộc EVN |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam   | Công ty thuộc PVN |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  | Công ty thuộc PVN |
| Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam  | Công ty thuộc PVN |
| Công ty Cổ phần PVI   | Công ty thuộc PVN |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch   | Công ty thuộc PVN |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL  | Công ty thuộc PVN |
| Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam<br>- Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí | Công ty thuộc PVN |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam   | Công ty thuộc PVN |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam   | Công ty thuộc PVN |
| Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí   | Công ty thuộc PVN |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí  | Công ty thuộc PVN |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí  | Công ty thuộc PVN |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

|   | 2015<br>VND       | 2014<br>VND       |
|---|-------------------|-------------------|
| <b>Doanh thu bán điện</b>   |                   |                   |
| Công ty Mua Bán Điện (EPTC)   | 6.729.438.340.659 | 7.064.916.896.183 |
| <b>Mua hàng và dịch vụ</b>  |                   |                   |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam   | 4.046.563.551.733 | 3.844.571.504.991 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam  | 341.324.572.554   | 441.509.606.376   |
| Công ty Cổ phần PVI   | 65.264.878.222    | 42.762.861.400    |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam  | 2.659.629.700     | 5.499.697.000     |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí  | 2.261.358.000     | 1.941.570.000     |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch   | 898.081.000       | 1.022.648.200     |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL  | -                 | 1.424.624.960     |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam  | 731.762.418       | 666.344.399       |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam   | 15.909.632.366    | 82.192.008        |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam   | 802.618.812       | 821.225.357       |
| Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí   | -                 | 300.000.000       |
| <b>Thu nhập tài chính</b>   |                   |                   |
| Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam   | 10.013.162.193    | 5.093.266.744     |
| Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau: |                   |                   |
|   | 2015<br>VND       | 2014<br>VND       |
| Lương và các khoản phúc lợi khác  | 6.862.077.706     | 5.402.483.522     |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|  | 31/12/2015<br>VND | 31/12/2014<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| <b>Phải thu thương mại</b>   |                   |                   |
| Công ty Mua Bán Điện (EPTC)  | 1.750.428.741.080 | 2.085.643.819.056 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                                       | 33.544.089        | 33.544.089        |
| <b>Trả trước nhà cung cấp</b>  |                   |                   |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí   | 35.405.100        | 228.420.000       |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                                       | 144.260.091.974   | 163.728.626.749   |
| <b>Phải thu khác</b>   |                   |                   |
| Công ty Mua Bán Điện (EPTC)  | 42.153.554.457    | 42.153.554.457    |
| Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam  | 225.194.443       | 238.222.223       |
| <b>Phải trả thương mại</b>   |                   |                   |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam  | 599.158.374.502   | 776.373.697.796   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam                                       | 38.809.164.052    | 27.386.855.113    |
| Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam   | 454.403.426       | 454.403.426       |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí   | 1.140.250.000     | 1.140.250.000     |
| Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí | -                 | 222.181.661       |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí   | 455.697.900       | 319.788.000       |
| Công ty Cổ phần PVI  | 75.000.000        | -                 |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch  | -                 | 95.778.900        |
| <b>Phải trả khác</b>   |                   |                   |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam  | 39.278.284.374    | 39.278.284.374    |
| <b>Đầu tư tài chính</b>  |                   |                   |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam   | 200.000.000.000   | 200.000.000.000   |

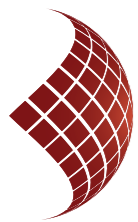
**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 620.472.220 đồng (năm 2014: 869.202.437 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 11.549.037.820 đồng (năm 2014: 13.214.003.762 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 8.473.879.395 đồng (năm 2014: 128.000.000.000 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

### 35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU                                       | Mã số | Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014<br>VND | Phân loại theo Thông tư 200<br>VND | Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014<br>VND |
|--|-------|--|------------------------------------|---|
| <b>TÀI SẢN</b>                                 |       |  |                                    |   |
| 1. Các khoản tương đương tiền                  | 112   | -  | 540.000.000.000                    | 540.000.000.000                                 |
| 2. Đầu tư ngắn hạn                             | 121   | 540.000.000.000                          | (540.000.000.000)                  | -   |
| 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 131   | 35.912.802                               | 1.592.184.154.215                  | 1.592.220.067.017                               |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                      | 136   | 2.128.696.575.950                        | (2.085.493.423.056)                | 43.203.152.894                                  |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158   | 150.396.000                              | (150.396.000)                      | -   |
| 6. Phải thu dài hạn của khách hàng             | 211   | -  | 493.459.664.841                    | 493.459.664.841                                 |
| 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 230   | 304.606.500                              | (304.606.500)                      | -   |
| 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242   | -  | 304.606.500                        | 304.606.500                                     |
| 9. Đầu tư dài hạn khác                         | 258   | 11.140.000.000                           | (11.140.000.000)                   | -   |
| 10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác             | 253   | -  | 11.140.000.000                     | 11.140.000.000                                  |
| 11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259   | (11.140.000.000)                         | 11.140.000.000                     | -   |
| 12. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn          | 254   | -  | (11.140.000.000)                   | (11.140.000.000)                                |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                               |       |  |                                    |   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311   | 33.892.981.808                           | 776.373.697.796                    | 810.266.679.604                                 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313   | 15.513.547.858                           | 189.603.983.551                    | 205.117.531.409                                 |
| 3. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315   | 891.373.649.603                          | (776.373.697.796)                  | 114.999.951.807                                 |
| 4. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319   | 358.841.041.074                          | (189.603.983.551)                  | 169.237.057.523                                 |

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| CHỈ TIÊU                    | Mã số | Số đã báo cáo 2014<br>VND | Phân loại theo Thông tư 200<br>VND | Số sau phân loại lại 2014<br>VND |
|-----------------------------|-------|---------------------------|------------------------------------|----------------------------------|
| 1. Thu nhập khác            | 31    | 2.407.163.967             | (450.000.000)                      | 1.957.163.967                    |
| 2. Chi phí khác             | 32    | 1.471.720.658             | (450.000.000)                      | 1.021.720.658                    |
| 3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70    | 4.638                     | 1.097                              | 5.735                            |

#### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Số đã báo cáo 2014<br>VND | Phân loại theo Thông tư 200<br>VND | Số sau phân loại lại 2014<br>VND |
|---|-------|---------------------------|------------------------------------|----------------------------------|
| 1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác             | 23    | (293.538.818.212)         | 293.538.818.212                    | -                                |
| 2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24    | -                         | 246.461.181.788                    | 246.461.181.788                  |
| 3. Tiền và tương đương tiền cuối năm                            | 70    | 186.126.885.017           | 540.000.000.000                    | 726.126.885.017                  |

Lê Việt An  
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh  
Kế toán trưởng



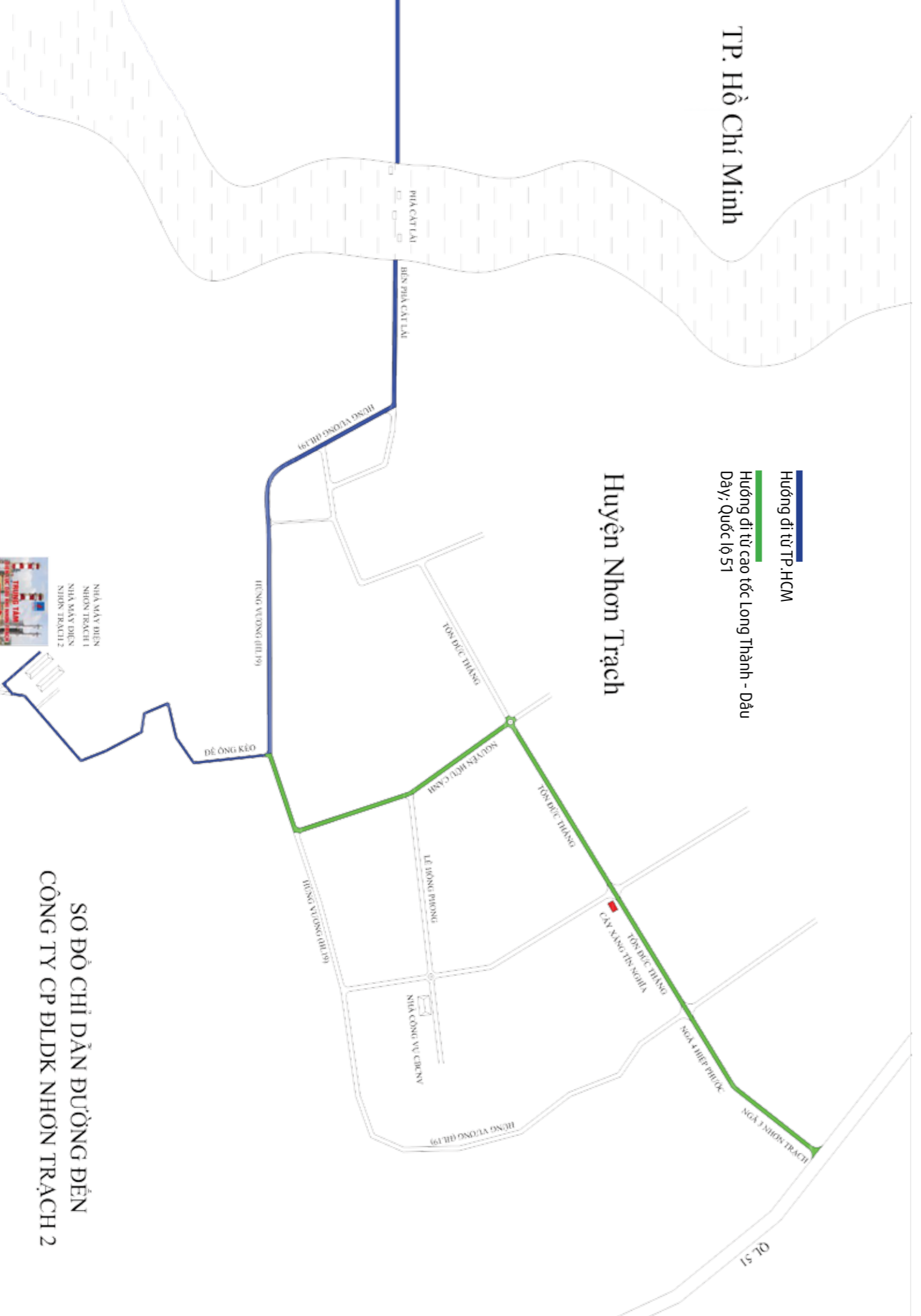
Hoàng Xuân Quốc  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 02 năm 2016

TP. Hồ Chí Minh

### Huyện Nhơn Trạch

Hướng đi từ TP.HCM

Hướng đi từ cao tốc Long Thành - Dầu  
Dây: Quốc lộ 51



SỞ BỘ CHỈ DẪN DƯỜNG ĐẾN  
CÔNG TY CP DLĐK NHƠN TRẠCH 2



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

Trung tâm Điện lực Dầu khí,  
Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-612) 225 899  
Fax: (84-612) 225 897  
Web: [www.pvpnt2.vn](http://www.pvpnt2.vn)  
Email: [info@pvnt2.com.vn](mailto:info@pvnt2.com.vn)